



VIETNAM
LISTED COMPANY
AWARDS

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY

DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT VIỆT NAM

2022

CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2022



DRAGON CAPITAL 



Deloitte.



TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Kết quả đánh giá này dựa trên những gì quan sát được từ các thông tin công khai cho công chúng, là những gì được phản ánh trong các hồ sơ, tài liệu có được về doanh nghiệp từ các kênh thông tin đại chúng. Vì vậy kết quả có thể không được toàn diện và đầy đủ như những gì có thể nắm bắt được khi có được các thông tin nội bộ, hoặc thông tin về thực tế diễn ra bên trong doanh nghiệp. Ngoài ra cũng có những trường hợp doanh nghiệp thực hiện tốt nhưng không công khai thông tin thì thực tiễn tốt đó cũng không được phản ánh vào các kết luận của báo cáo này.

Cũng như bất kỳ hệ thống đánh giá chấm điểm quản trị công ty nào, phương pháp đánh giá này cũng không tránh khỏi việc có những thiếu sót nhất định. Việc sử dụng các thông tin cung cấp trong báo cáo này do vậy cần được cân trọng. Ban soạn thảo không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các thông tin, dữ liệu này gây ra.

QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG BỐI CẢNH NHIỀU THÁCH THỨC TRÊN TOÀN CẦU

Quản trị tốt ở cấp độ công ty và nâng cao hiệu quả thị trường vốn là điều quan trọng, nhưng có lẽ còn quan trọng hơn bao giờ hết khi cần có sự phục hồi nhanh sau cuộc khủng hoảng COVID-19 và chuẩn bị cho những cú sốc có thể xảy ra trong tương lai.

Trong bối cảnh tái thiết nền kinh tế của chúng ta sau cuộc khủng hoảng COVID-19 và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn, sạch hơn và công bằng hơn, quản trị công ty tốt đóng một vai trò thiết yếu. Nó thúc đẩy niềm tin của thị trường và tính liên chính trong kinh doanh, hỗ trợ sự phát triển của thị trường vốn. Chất lượng của khuôn khổ quản trị công ty của một quốc gia có ý nghĩa quyết định đối với sự năng động và khả năng cạnh tranh của khu vực kinh doanh và nền kinh tế nói chung. Nó cũng sẽ hỗ trợ khu vực doanh nghiệp quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và khai thác tốt hơn sự đóng góp của các bên liên quan khác nhau, có thể là cổ đông, nhân viên, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp hoặc các cộng đồng lân cận, để đạt được thành công lâu dài của các công ty.

*Chủ đề chính của thảo luận tại
Hội nghị bàn tròn OECD-Asia tại Hà Nội tháng 10 năm 2022*

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM.....	2
GIỚI THIỆU	6
PHẦN 1. GIỚI THIỆU GIẢI THƯỞNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 2022	8
PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY QUA 5 NĂM	10
PHẦN 3. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
Phần A – Đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông.....	19
Phần B – Vai trò các bên hữu quan	27
Phần C – Công bố và minh bạch thông tin	34
Phần D – Trách nhiệm Hội đồng quản trị	40
PHẦN 4. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂM 2022	64
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM NĂM 2022.....	66

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCTN	Báo cáo thường niên
BKS	Ban kiểm soát
DN	Doanh nghiệp
DNNY	Doanh nghiệp niêm yết
G20	Diễn đàn của 20 nền kinh tế lớn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
QTCT	Quản trị công ty
TL	Thông lệ
TT	Tuân thủ
TTCK	Thị trường chứng khoán
VCGS	Bộ tiêu chí QTCT của Việt Nam
VNX	Chỉ số chung cho thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm
Allshare	các cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX

GIỚI THIỆU

Năm 2022 đánh dấu năm thứ năm Quản trị công ty được đưa lên thành một nội dung đánh giá độc lập quan trọng trong Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam. Quản trị công ty là một khuôn khổ bao gồm các qui trình, qui định giúp giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa cổ đông và các bên hữu quan với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, nhằm định hướng cho công ty vận hành và phát triển đạt được các mục tiêu của mình trong dài hạn, và trong quá trình đó, công ty không ngừng được giám sát, theo dõi và kiểm soát.

Kể từ năm 2018 – năm đầu tiên được xây dựng, bộ tiêu chí đánh giá Quản trị công ty doanh nghiệp niêm yết Việt Nam đặt ra các tiêu chuẩn quản trị tốt phản ánh các qui định luật pháp mới nhất được ban hành, và các thông lệ quản trị tiên bộ của khu vực và thế giới, với mục tiêu liên tục giám sát sự phát triển trình độ quản trị của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam, thúc đẩy doanh nghiệp không ngừng cải thiện, đáp ứng được kỳ vọng của nhà đầu tư và các bên hữu quan - là điều kiện cần để Việt Nam có thể phát triển một thị trường vốn lành mạnh và hiệu quả.

Vượt qua rất nhiều khó khăn gây ra bởi dịch bệnh covid, những thách thức mà doanh nghiệp đang đối mặt vẫn chưa hề giảm áp lực khi mà nhiều khó khăn mới lại tiếp tục xuất hiện từ nguồn cung nhiên liệu giảm sút, lạm phát, sức mua giảm, và suy thoái kinh tế đang chực chờ. Hơn bao giờ hết, trong bối cảnh này quản trị tốt sẽ giúp doanh nghiệp với qui trình kiểm soát rủi ro đã thiết lập sẵn có thể lên phương án ứng phó, điều chỉnh các kế hoạch để có thể giữ vững được hoạt động.

Sau một năm tăng trưởng mạnh của thị trường chứng khoán, mùa đại hội 2022 đã diễn ra với các qui trình tổ chức đại hội và các hoạt động công bố thông tin dành cho cổ đông được tổ chức khá qui củ, cho thấy những khía cạnh về quản trị tốt căn bản đạt được, cùng với đó là những nỗ lực đáng ghi nhận của doanh nghiệp niêm yết trong việc duy trì và thực hiện các công tác quản trị, kiểm soát rủi ro để có thể thích ứng với điều kiện kinh doanh mới. Năm 2022 Hội đồng đánh giá Quản trị công ty đã thực hiện đánh giá 581 công ty thuộc bộ chỉ số VNX Allshare kỳ tháng 4 năm 2022, là một danh mục đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Với sự gia nhập mới của một số lượng lớn DNNY (tăng 12%, tức thêm 61 công ty so với kỳ đánh giá 2021), điểm số Quản trị công ty đạt được có tăng tuy không nhiều, cho thấy một sự nỗ lực của doanh nghiệp trên hầu hết các khía cạnh quản trị, cho phép đem lại điểm số cao hơn mặc dù tỉ lệ số lượng DNNY mới thêm vào chiếm một tỉ trọng đáng kể trong kỳ đánh giá năm 2022. Tuy nhiên, để tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn, nỗ lực của doanh nghiệp được mong đợi sẽ cần phải nhiều hơn nữa trong các năm sắp tới để Việt Nam sớm được nâng hạng thị trường và hội nhập thành công vào thị trường tài chính toàn cầu.

Xin trân trọng cảm ơn

Các thành viên Hội đồng bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2022

**Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Đào tạo Quản trị Doanh nghiệp
Trường Đại học Bách khoa Tp.HCM**

Và các công ty kiểm toán hàng đầu Deloitte, EY, KPMG, PWC

đã hỗ trợ chúng tôi hoàn thành báo cáo này.

Ban Tổ chức Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2022

PHẦN 1. GIỚI THIỆU GIẢI THƯỞNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 2022

Bộ tiêu chí đánh giá QTCT 2022

Năm 2022 đánh dấu cột mốc tròn 5 năm kể từ khi hạng mục Quản trị công ty được đưa vào Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam (VLCA). Từ năm 2020, bộ tiêu chí đánh giá QTCT đã được nâng độ khó lên một mức cao hơn so với bộ tiêu chí hai năm đầu (năm 2018 và 2019), bên cạnh đó phương pháp chấm đã cập nhật các văn bản luật mới ban hành có hiệu lực từ 1/1/2021, theo đó các điểm tập trung cải thiện của bộ tiêu chí nằm ở các khía cạnh:

- Bảo vệ quyền lợi cổ đông trong việc được nhận cổ tức đúng hạn
- Tổ chức ĐHĐCĐ đúng hạn
- Tài liệu dự thảo cho ĐHĐCĐ được công bố đầy đủ
- Biểu quyết và tham dự đại hội bằng công nghệ hiện đại, cho phép thực hiện từ xa, an toàn và bảo mật
- Chất lượng biên bản ĐHĐCĐ, đặc biệt nội dung hỏi của cổ đông và phản hồi của lãnh đạo công ty
- Cổ đông được thực thi quyền vượt ngoài khuôn khổ của kỳ ĐHĐCĐ
- Chất lượng nội dung thông tin của các báo cáo về môi trường và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp không chỉ dựa trên việc liệt kê các đề mục thông tin, mà cần cung cấp thông tin chi tiết các nội dung chính sách và hoạt động, và thực hành cụ thể.
- Thông tin về thực thi vai trò của HĐQT được đánh giá chi tiết qua các báo cáo, các tài liệu công bố mô tả cụ thể về các khía cạnh: trách nhiệm và vai trò của HĐQT trong hoạch định, giám sát thực thi chiến lược, quản trị phòng ngừa và ứng phó với rủi ro, vai trò đối với hệ thống báo cáo tài chính kế toán, tuân thủ pháp luật, minh bạch và công bố thông tin của doanh nghiệp. Các nội dung đánh giá không chỉ về chính sách và qui trình được thiết lập mà về các nội dung đã thực thi trong năm đối với các chính sách và qui trình đó.
- Công bố chi tiết Bộ qui tắc ứng xử, đạo đức
- Công bố chi tiết Chính sách báo cáo sai phạm
- Cơ cấu và thành phần HĐQT đảm bảo đa dạng, độc lập
- Các uỷ ban chuyên trách của HĐQT được thành lập, với các thành viên độc lập là chủ tịch các uỷ ban, đặc biệt Ủy ban kiểm toán, Ủy ban nhân sự, Ủy ban lương thưởng

- Xây dựng bộ phận Kiểm toán nội bộ
- Bổ nhiệm và nâng cao năng lực người phụ trách QTCT
- Các cam kết của lãnh đạo DN về thực thi QTCT tốt thông qua tuân thủ Bộ qui tắc QTCT của Việt Nam.

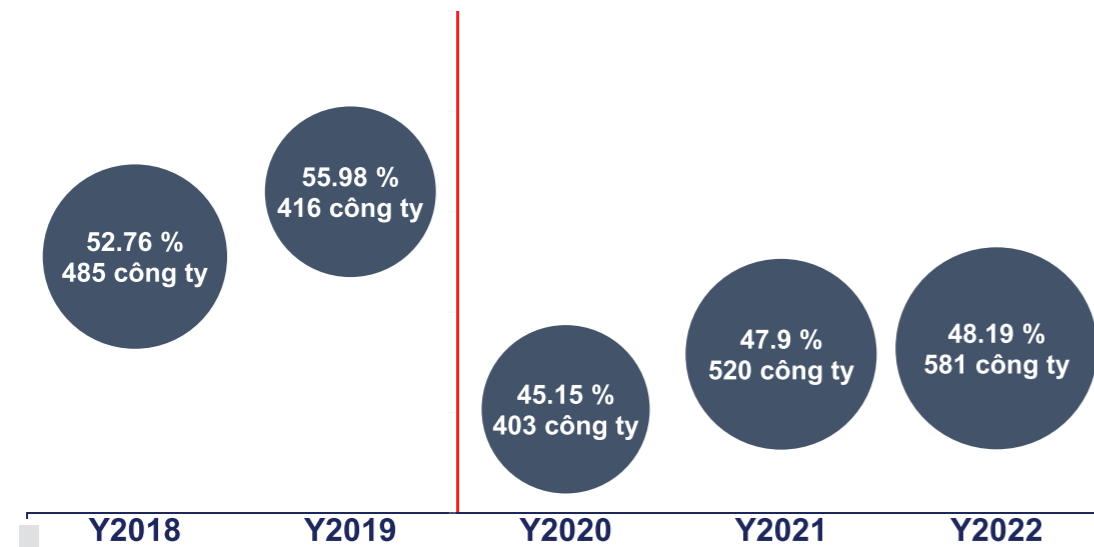
Trong năm 2022, bên cạnh việc tiếp tục sử dụng bộ tiêu chí đã sửa đổi ở năm 2020, Ban tổ chức cũng đã bổ sung thêm 3 câu hỏi mới liên quan đến khía cạnh giao dịch bên liên quan, bao gồm:

- Rà soát đánh giá việc HĐQT có thực thi nghị quyết HĐQT năm trước đó hay không
- Đánh giá kiểm tra liệu có trường hợp vi phạm nào xảy ra theo đó ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT hoặc Tổng giám đốc toàn quyền quyết định đối với các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ hay không
- Các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thông qua có được qui định cụ thể và chi tiết trong điều lệ công ty theo tinh thần của luật định hay không.

Kết quả đánh giá Quản trị công ty dựa trên bộ tiêu chí năm 2022 sẽ là cơ sở vinh danh các doanh nghiệp có chất lượng quản trị công ty tốt nhất trên hai sàn chứng khoán theo 3 nhóm qui mô Lớn, Vừa và Nhỏ.

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY QUA 5 NĂM

Số lượng công ty và Điểm trung bình CG (%) qua từng năm 2018-2022



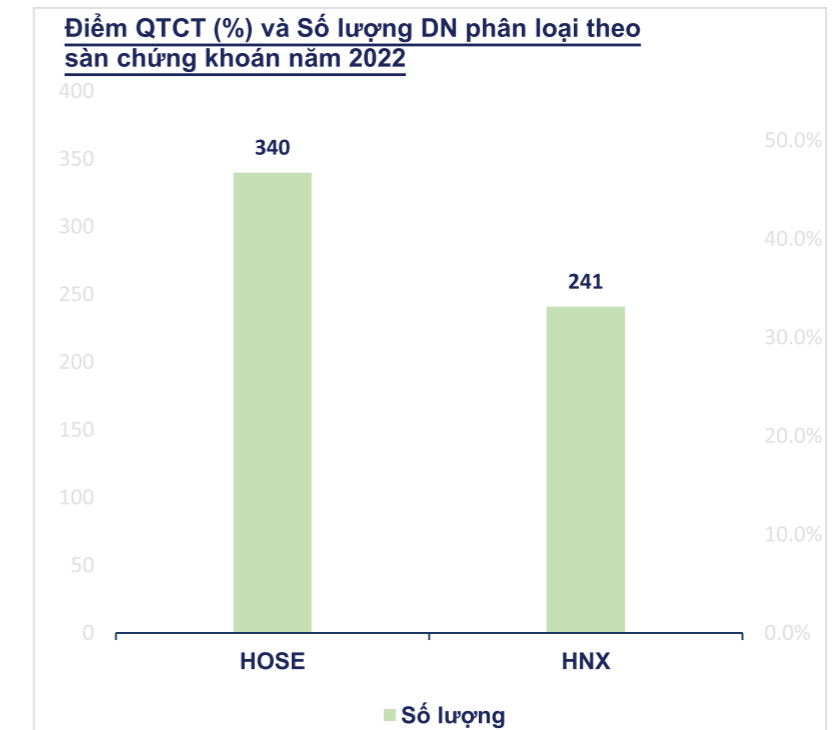
Hình 2.1. Số lượng công ty và Điểm trung bình QTCT (theo %) giai đoạn 2018-2022

Mẫu đánh giá QTCT thay đổi qua từng năm, trong đó có sự gia tăng liên tục trong 3 năm gần đây (Hình 2.1). Năm 2022, mẫu phân tích đánh giá QTCT đạt số lượng 581 DNNY của bộ chỉ số VNX Allshare xác định trong kỳ tháng 4/2022, ghi nhận mức tăng 61 công ty, tương ứng 11.73% so với năm 2021.

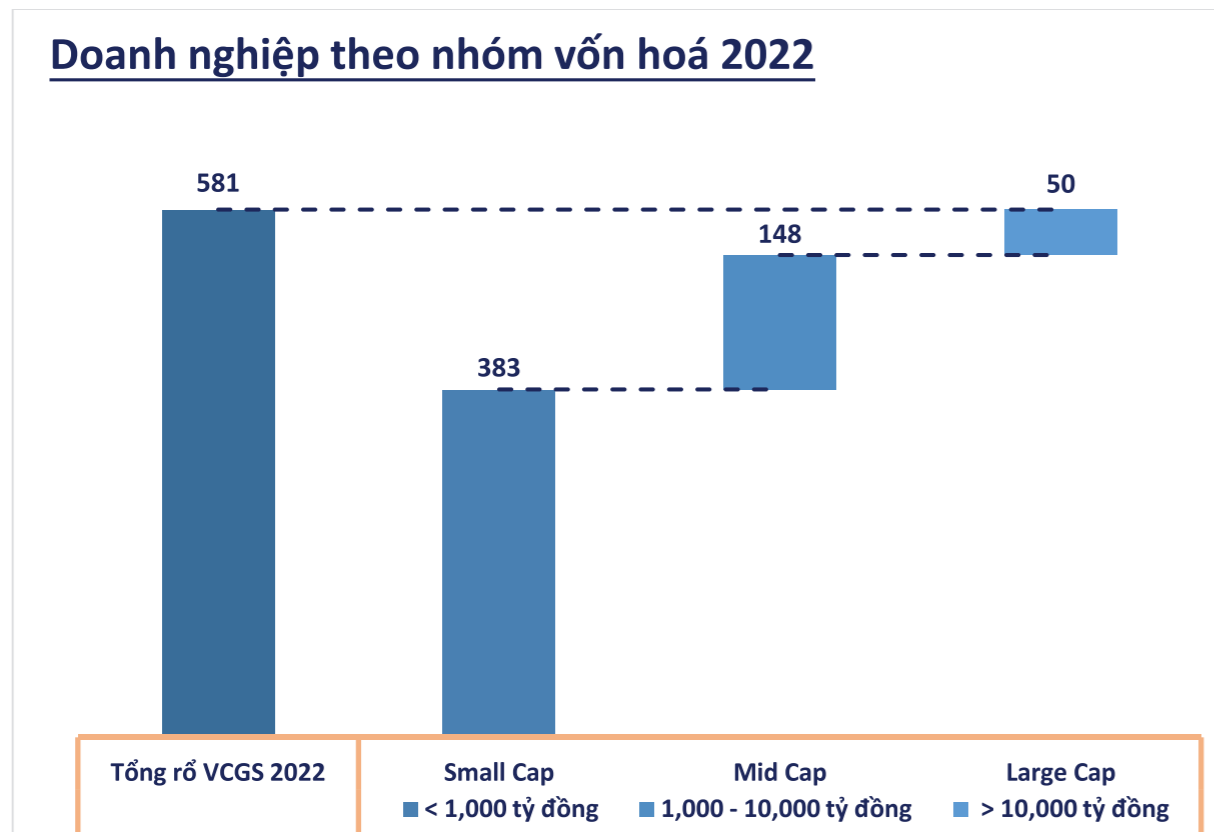
Điểm QTCT trung bình (theo %) năm 2020 giảm so với 2018-2019 là minh chứng cho việc điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá với những đòi hỏi cao hơn về QTCT. Trong giai đoạn 2020-2022, mặc dù bổ sung đáng kể số lượng DN mới vào mẫu đánh giá (117 DN trong năm 2021 và 61 DN trong năm 2022), điểm QTCT trung bình vẫn có xu hướng tăng, chứng tỏ mặt bằng chung các DN có cải thiện tình hình QTCT và đa số các DN mới được bổ sung vào rổ VNX Allshare có điểm QTCT tốt hơn mức trung bình.

Danh mục các cổ phiếu được đánh giá Quản trị công ty trong năm 2022

Như mọi năm, DN HOSE chiếm tỷ trọng lớn hơn DN HNX trong rổ VNX Allshare, với số lượng lần lượt là 340 và 241 công ty trong năm 2022 (Hình 2.2).



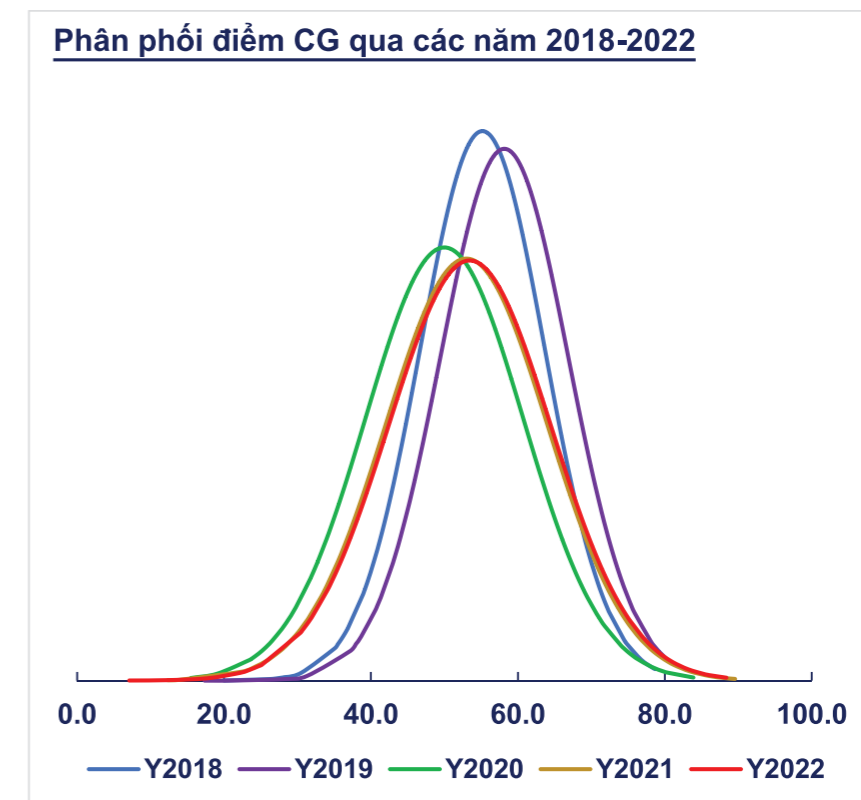
Hình 2.2. Số lượng DN phân loại theo sàn chứng khoán năm 2022



Hình 2.3. Phân bố mẫu đánh giá QTCT năm 2022 theo mức vốn hóa

Trong 581 DN được đánh giá QTCT năm 2022, có 50 DN lớn (Large Cap) có qui mô hơn 10.000 tỉ đồng, 150 DN vừa (Medium Cap) có qui mô từ 1.000-10.000 tỉ đồng và có 383 DN nhỏ (Small Cap) có qui mô nhỏ hơn 1.000 tỉ đồng (Hình 2.3).

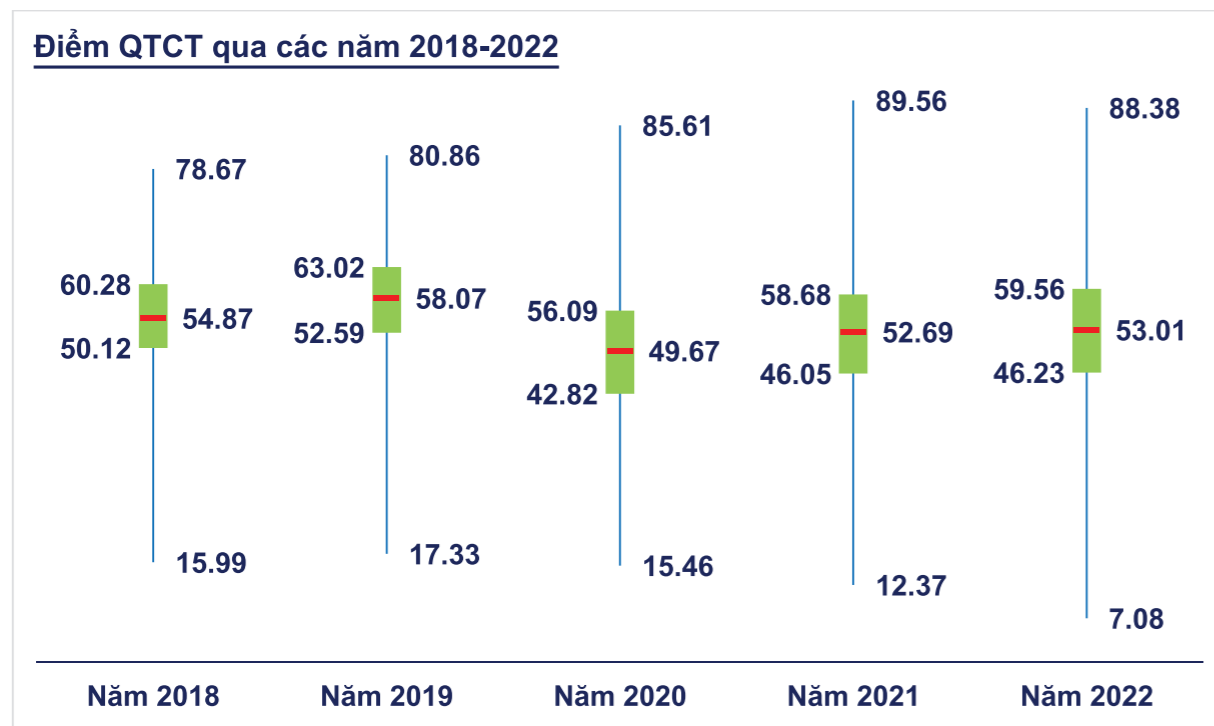
Phân phối điểm QTCT qua các năm



Hình 2.4. Phân phối điểm QTCT qua các năm 2018-2022

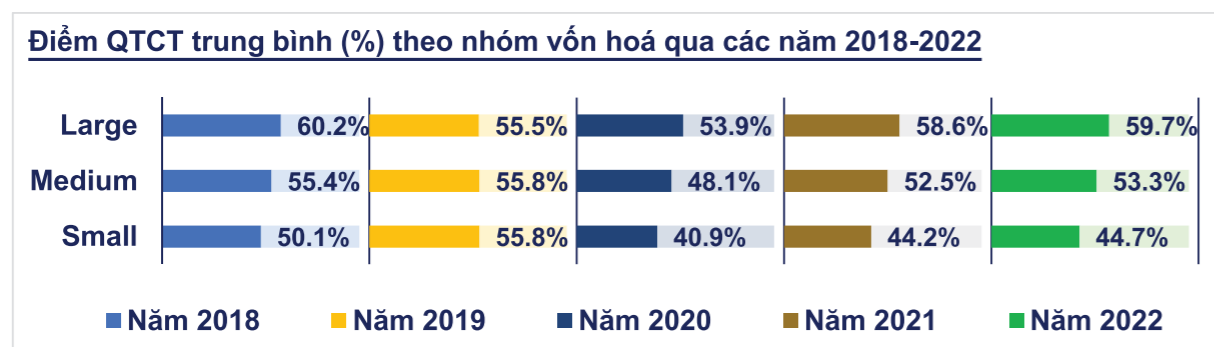
Phân phối điểm QTCT trong 5 năm từ 2018 đến 2022 được trình bày ở Hình 2.4. Biểu đồ năm 2018-2019 có dạng hẹp và cao hơn so với các năm 2020-2022 cho thấy có sự phân hóa điểm rõ ràng hơn trong giai đoạn 2020-2022 (với phổ điểm rộng hơn), cho thấy bộ tiêu chí sau khi hiệu chỉnh cho phép phân biệt và nhận diện rõ rệt hơn DN tốt và DN yếu kém trong QTCT. Ngoài ra, biểu đồ của năm 2021 và 2022 gần như trùng nhau cho thấy không có sự thay đổi nhiều về phân phối điểm mặc dù mẫu đánh giá có tăng lên trong năm 2022.

Mặt khác, Hình 2.5 cho thấy năm 2022 có đến 50% số lượng DN có điểm QTCT tập trung trong khoảng 46.23 điểm đến 59.56. Ngoài việc còn khoảng 25% DN yếu kém có mức điểm trong khoảng [7.08 - 46.23] cần được tập trung giám sát nhiều hơn, thì nhóm 25% DN top cũng có sự chênh lệch điểm số lớn, với DN tốt nhất có mức điểm 88.38.



Hình 2.5. Thống kê mô tả điểm QTCT qua các năm 2018-2022

Điểm QTCT theo vốn hóa qua các năm đánh giá



Hình 2.6. Điểm QTCT trung bình (%) theo nhóm vốn hóa qua các năm 2018-2022

Quan sát điểm QTCT (theo %) giữa 3 nhóm vốn hóa lớn (Large), vừa (Medium) và nhỏ (Small) 5 năm qua ở Hình 2.6 có thể thấy năm 2018 có sự khác biệt ở 3 nhóm vốn hóa, trong đó nhóm vốn hóa lớn có mức điểm trung bình cao nhất, kế đến là nhóm vốn hóa vừa và thấp nhất là nhóm vốn hóa nhỏ. Riêng năm 2019, trung bình điểm QTCT không có sự khác biệt nhiều giữa 3 nhóm vốn hóa (điểm QTCT của 3 nhóm là gần như nhau, dao động quanh mức 55%). Sau khi có sự điều

chỉnh thể điểm, bước sang các năm 2020-2022 sự khác biệt điểm đã rõ ràng hơn, trong đó nhóm Large luôn có điểm QTCT cao nhất, tiếp đến là nhóm Medium và nhóm Small có sự chững lại với mức điểm trung bình còn khá thấp (dưới 50%). Như vậy, bước đầu có thể kết luận điểm QTCT có tương quan với vốn hoá DN. Các DN vốn hoá lớn có lợi thế hơn trong việc đầu tư QTCT, có bề dày hoạt động và phát triển từ đó có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc xây dựng quy trình, cơ cấu, khuôn khổ quản trị nội bộ cho DN. Ngoài ra, khi đã định vị được vị thế top đầu ngành, các DN lớn sẽ cần duy trì sức nóng của thương hiệu thông qua các hoạt động mang tính “bền vững”, và đầu tư vào QTCT là một trong những biện pháp hữu hiệu. Bên cạnh sự khác biệt giữa các nhóm vốn hóa, có một tín hiệu đáng mừng là điểm QTCT đều tăng từ 2020-2022 ở cả 3 nhóm vốn hóa, cho thấy QTCT đã và đang được quan tâm nhiều hơn bất kể quy mô DN.

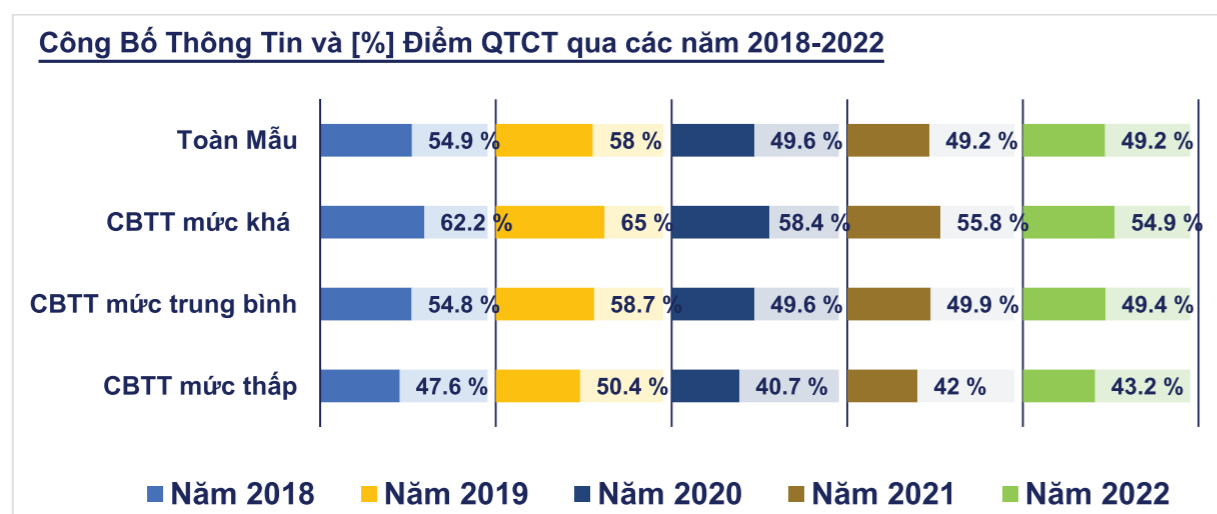


Hình 2.7. Điểm QTCT (%) theo nhóm vốn hóa năm 2022

Xét riêng năm 2022, phân bố về số lượng DN giữa 3 nhóm vốn hóa là không đều (Hình 2.7). Trong mẫu 581 DN chỉ có 50 DN thuộc nhóm vốn hóa Large, chiếm chưa tới 10%, trong khi gần 66% là DN vốn hóa Small. Đối lập với kết quả phân bố về lượng, nhóm Large có trung bình điểm QTCT cao nhất, sau đó đến Medium và cuối cùng là Small, thể hiện được đặc tính chung là các DN vốn

hóa lớn thường đầu tư nhiều nguồn lực hơn cho QTCT và có lợi thế để thực hiện QTCT tốt hơn nhóm vốn hóa nhỏ. Cũng cần ghi nhận rằng việc phân bổ mẫu không đều cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến phổ điểm rộng hơn ở nhóm Small, Medium so với Large.

Tăng cường công bố thông tin giúp cải thiện điểm QTCT

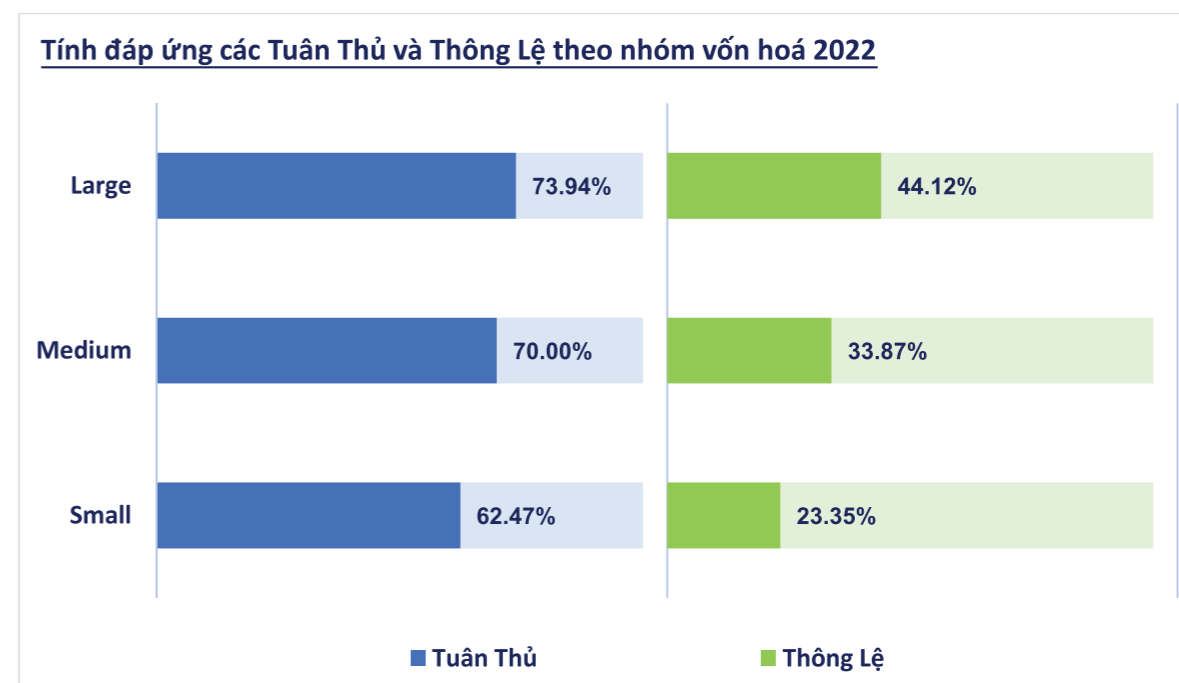


Hình 2.8. Công bố thông tin và điểm QTCT (%) qua các năm 2018-2022

Nếu xếp thứ tự các DN theo mức điểm Công bố thông tin từ cao đến thấp và chia đều mẫu đánh giá thành 3 nhóm với số lượng như nhau, ta sẽ có được các nhóm CBTT mức khá, mức trung bình và mức thấp được trình bày ở Hình 2.8. Dễ dàng thấy được có sự ổn định điểm số ở nhóm DN có mức độ CBTT trung bình trong các năm 2020-2022 với mức điểm dao động quanh 49%, trong khi đó nhóm CBTT mức khá có chiều hướng giảm điểm (từ 58.4% năm 2020 giảm xuống 54.9% năm 2022) và nhóm CBTT mức thấp lại cải thiện điểm (từ 40.7% năm 2020 tăng lên mức 43.2% năm 2022) qua mỗi năm. Quan sát xu hướng biến động điểm QTCT, có thể thấy rằng nhóm DN thực hiện CBTT mức khá chưa có sự cải thiện tích cực điểm QTCT, trong khi nhóm các DN CBTT mức thấp lại cải thiện điểm QTCT liên tục trong 3 năm 2020-2022. Điều này cho thấy mặc dù CBTT là điều kiện cần cho quản trị tốt, nhưng chỉ tăng cường CBTT vẫn chưa đủ để giúp cải thiện điểm QTCT. Quản trị tốt còn rộng hơn và tập trung nhiều hơn vào các thực hành trọng yếu của doanh nghiệp về quản trị rủi ro và vai trò giám sát của HĐQT.

Tình hình đáp ứng các tiêu chuẩn tuân thủ và thông lệ theo nhóm vốn hóa

Mục tiêu của giải thưởng Quản trị công ty là khuyến khích việc áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về QTCT nhằm hướng doanh nghiệp xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững. Vì vậy, bộ tiêu chí đánh giá QTCT được xây dựng dựa trên hai khía cạnh là tuân thủ và thông lệ. Điểm QTCT được tính từ tỉ trọng điểm 70% cho phần các tiêu chí Tuân thủ và 30% cho phần các tiêu chí Thông lệ¹. Nội dung tuân thủ quan tâm đến mức độ các doanh nghiệp niêm yết cam kết thực hiện đúng các quy định của văn bản pháp luật (như Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, các thông tư nghị định về quản trị công ty và công bố thông tin). Nội dung thông lệ hướng đến các thực hành QTCT tiên tiến được khuyến khích thực hiện tại các nước có thị trường chứng khoán phát triển, nhằm mục tiêu thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam mạnh dạn thay đổi để rút ngắn khoảng cách trong nước và quốc tế.



Hình 2.9. Tình hình đáp ứng các tiêu chuẩn tuân thủ và thông lệ theo nhóm vốn hóa năm 2022

Tình hình đánh giá QTCT năm 2022 cho thấy kết quả nhất quán ở cả 2 khía cạnh tuân thủ cũng như thực hành thông lệ QTCT trên cả 3 nhóm vốn hóa (Hình 2.9). Cụ thể, nhóm Large có sự cam

¹ Chi tiết Bộ tiêu chí đánh giá QTCT năm 2022 xin xem tại Phần 4 của báo cáo này.

kết tuân thủ cũng như áp dụng thông lệ về QTCT tốt nhất, tiếp theo là nhóm Medium và cuối cùng là nhóm Small.

QTCT tốt trước hết là tuân thủ các quy định về công bố thông tin mà luật pháp yêu cầu. Tuy nhiên, các DN nhóm vốn hóa nhỏ chỉ đang đạt mức độ tuân thủ là 62.47% (so với thang điểm cao nhất), trong khi có đến 66% mẫu đánh giá là DN vốn hóa nhỏ. Như vậy, đa số DNNY Việt Nam vẫn chưa thực hiện tốt việc tuân thủ quy định luật pháp về QTCT, đây là một thách thức lớn đối với các bên hữu quan nếu muốn nâng cao khả năng QTCT cho toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh việc tuân thủ luật pháp, các thực hành cao hơn mức luật định sẽ là bàn đạp giúp DN vươn xa hơn, tiệm cận với tiêu chuẩn QTCT quốc tế. Thực tế cho thấy các DN vốn hóa lớn đã và đang tiếp thu tốt các thông lệ QTCT với mức điểm 44.12%, chênh lệch khá lớn so với nhóm vốn hóa nhỏ (chỉ đạt 23.35%), và tất cả các DN đoạt giải đều có điểm số phần thông lệ ở mức khá đến tốt. Thị trường chứng khoán Việt Nam đi sau thế giới một khoảng thời gian dài nên có thể nói các doanh nghiệp Việt vẫn còn khá non trẻ trong QTCT, tuy nhiên, người đi sau vẫn có những lợi thế nhất định khi kế thừa được những kinh nghiệm mà người đi trước mất hàng chục năm để đúc kết. Vì vậy, DN Việt nói chung cần tận dụng lợi điểm của người đi sau để học hỏi và áp dụng các thông lệ tiên tiến, góp phần nâng cao năng lực QTCT cho DN mình.

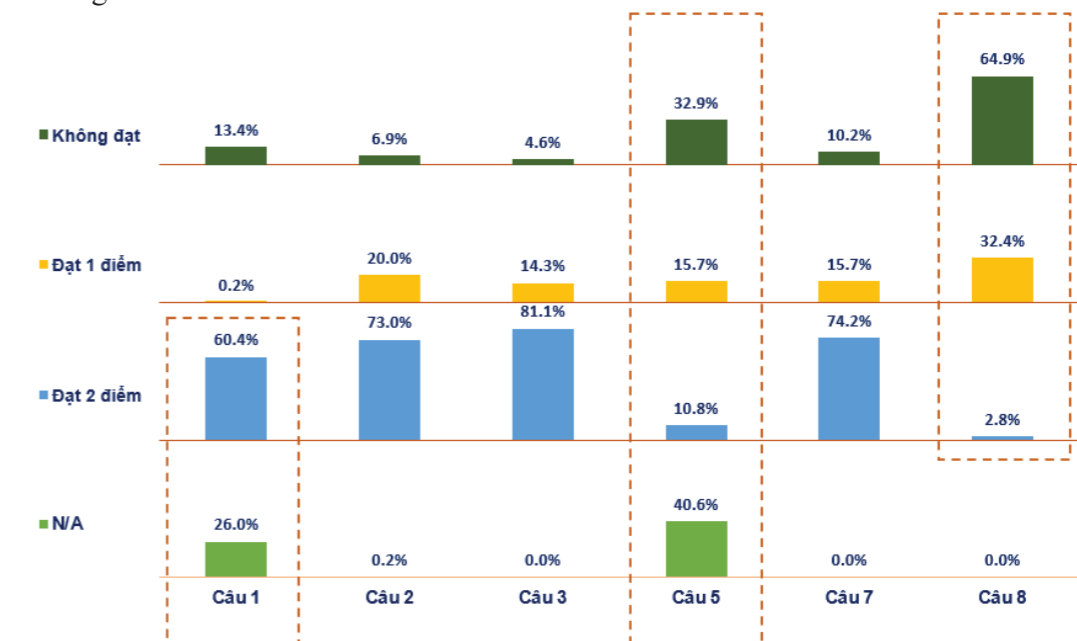
PHẦN 3: ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần A – Đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông

Bảo vệ quyền cổ đông và đối xử công bằng với các cổ đông là vấn đề cần được đảm bảo trong khuôn khổ quản trị công ty. Trong năm nay, các câu hỏi liên quan đến vấn đề đảm bảo quyền cổ đông có sự cải thiện điểm nhất định so với năm 2021².

Về câu hỏi mang tính chất tuân thủ

Đối với các câu hỏi mang tính chất tuân thủ trong phần A, DN đáp ứng ở mức độ tuân thủ nhìn chung chiếm tỷ lệ cao, tuy nhiên vẫn có một số trường hợp không đạt điểm tối đa trong quá trình đánh giá.



Hình 3.1. Tỷ lệ [%] DN đáp ứng tuân thủ phần A Năm 2022

Câu hỏi số 1: Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên? (Tối đa 2 điểm)

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã và đang dần được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc, tình hình kinh tế dần được ổn định nên việc chi trả cổ tức của các DN hầu hết được thực hiện tốt hơn so với năm trước. Cụ thể, công ty thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên, điều này đáp

² Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện Quản trị công ty năm 2021 xin xem tại trang: <https://www.aravietnam.vn>

ứng mức độ tuân thủ về việc đối xử bình đẳng và kịp thời với các cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức. Theo đó, tỷ lệ DN đạt điểm tối đa ở khía cạnh này là 60,4% và tỷ lệ không đạt điểm là 13,4% (Hình 3.1). Như vậy, tuy có sự tiến bộ hơn trong năm nay nhưng một bộ phận DN vẫn cần phải cân nhắc cải thiện để ngày càng đảm bảo việc nâng cao quyền và lợi ích cho cổ đông.

Bên cạnh đó, các DN đã rút kinh nghiệm từ việc ĐHĐCĐ năm 2020 buộc phải tổ chức trễ do làn sóng Covid-19 xảy ra ở giai đoạn tháng 1 đến tháng 4/2020, do điều kiện khách quan làn sóng dịch bệnh Covid-19 năm 2021 bắt đầu từ tháng 5/2021 nên đa số DN đều tổ chức ĐHĐCĐ thành công và đúng hạn trong vòng

Câu hỏi số 2: ĐHĐCĐ thường niên của công ty có được tổ chức trong vòng 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 06 tháng nếu có xin gia hạn không? (Tối đa 2 điểm)

04 tháng đầu năm tài chính 2021. Đây cũng chính là một trong những điểm phát huy tốt của các DN trong năm nay. Theo số liệu thống kê sau quá trình đánh giá, tỷ lệ DN đạt điểm tối đa tức tổ chức ĐHĐCĐ trong vòng 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính là 73% - đạt tỷ lệ khá cao; tỷ lệ DN tổ chức ĐHĐCĐ trong vòng từ 04 đến 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thông tin xin gia hạn chiếm 20% (Hình 3.1). Như vậy, thực tế ghi nhận các DN đã có sự cải thiện đáng kể trong việc tổ chức ĐHĐCĐ đúng hạn.

Câu hỏi số 3: Website công ty có công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ không (bộ tài liệu tiêu chuẩn bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS/ UBKT (file phải mở được, có nội dung) (Tối đa 2 điểm)

Về vấn đề CBTT tài liệu ĐHĐCĐ, hầu hết các công ty đều CBTT đúng hạn và đầy đủ bộ tài liệu tiêu chuẩn theo Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Thư mời họp có chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS/ UBKT. Theo đó, số lượng DN CBTT đầy đủ bộ tài liệu tiêu chuẩn là 471 DN, chiếm tỷ lệ 81,1% (Hình 3.1). Tuy nhiên vẫn tồn tại một số trường hợp không CBTT đầy đủ, phần lớn trong số đó công bố thiếu Báo cáo BKS/UBKT.

Câu hỏi số 5: Tài liệu họp ĐHĐCĐ có cung cấp thông tin về các ứng viên mới cho HĐQT và BKS (nếu có) (tối thiểu bao gồm đầy đủ các thông tin sau: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DNNY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ không? (Tối đa 2 điểm)

Ngoài bộ tài liệu tiêu chuẩn, trong năm 2022, các DN thực hiện tốt hơn về việc CBTT đầy đủ và tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ về hồ sơ lý lịch các ứng viên trong trường hợp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Theo thống kê, có 63 DN (chiếm 10,8%) thực hiện CBTT đạt yêu cầu (công bố đầy đủ và đúng thời hạn) và 91 DN (chiếm 15,7%) CBTT đúng hạn nhưng thiếu một trong số các nội dung yêu cầu. Bên cạnh đó, 32,9% DN không đạt yêu cầu (không có thông tin hoặc không CBTT đúng hạn) và ghi nhận 40,6% DN thuộc trường hợp không có nội dung bầu cử ứng viên HĐQT mới tại ĐHĐCĐ (điểm N/A – không chấm, không áp dụng) (Hình 3.1). Tuy ghi nhận số lượng không nhiều DN tuân thủ nhưng đây là một điểm cộng trong việc cung cấp thông tin giúp cổ đông hiểu rõ từng ứng viên theo các tiêu chí như trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, ... từ đó có thể đánh giá năng lực và sự phù hợp của từng ứng viên, đảm bảo kết quả bầu cử được minh bạch và đúng đắn nhất.

Câu hỏi số 7: Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất? (Tối đa 2 điểm)

Đối với câu hỏi mang tính chất tuân thủ này, đa số các công ty đều công bố kết quả bầu chọn bao gồm đầy đủ các tiêu chí về số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng cho mỗi nội dung trong chương trình nghị sự. Năm 2022, ghi nhận 431 DN CBTT

đầy đủ và đạt điểm tối đa - chiếm tỷ lệ khá cao là 74,2% và chỉ có 59 DN không đạt điểm – chiếm 10,2% (Hình 3.1).

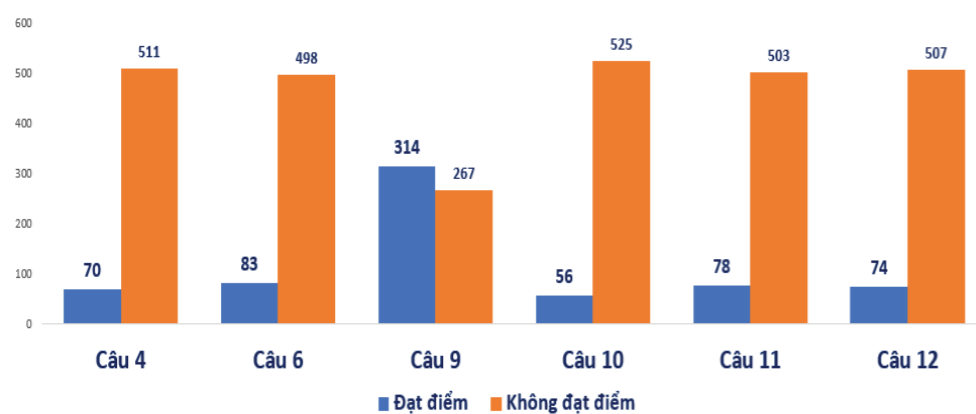
Câu hỏi số 8: Ban chủ tọa ĐHĐCĐ có tóm lược tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm trước không? Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT có báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất không? Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT có trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua trước khi thực hiện không? (Tối đa 2 điểm)

Hiện tại thẻ điểm VCGS đã bổ sung thêm tiêu chí mới mang tính chất tuân thủ liên quan đến vấn đề đánh giá, tóm lược tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm trước nhưng đa số các DN đều hạn chế đáp ứng ở tiêu chí này. Cụ thể, hầu hết các DN đều không đề cập trong Biên bản ĐHĐCĐ việc HĐQT có tóm tắt tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm trước và trong biên bản đại hội không ghi nhận nội dung Ban chủ tọa ĐHĐCĐ có tóm lược tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm trước. Thực tế phản ánh có đến 377 DN không đạt điểm ở tiêu chí này - chiếm 64,9% và chỉ có 16 DN đạt điểm tối đa - chiếm 2,8%. Như vậy, đây là một trong những khía cạnh khuyến cáo các DN nên chú ý cải thiện để giúp nâng cao quản trị minh bạch. Việc nghiêm túc thực

hiện các nghị quyết cổ đông thông qua tại kỳ đại hội là một trong những yêu cầu quản trị quan trọng. Nội dung này cần được báo cáo và công bố thông tin tại ĐHĐCĐ.

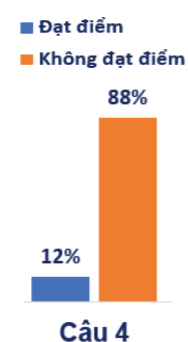
Về câu hỏi mang tính chất thông lệ

Năm nay, hầu hết hoạt động QTCT tại các DN Việt Nam đang được phát huy tốt hơn so với các năm trước đây không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng ở mức độ tuân thủ mà còn đang dần hướng đến các thông lệ quốc tế tốt nhất. Trong khía cạnh đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông, các DN nhìn chung vẫn có sự tiến bộ hơn nhưng vẫn tồn tại một số vấn đề cần cải thiện.



Hình 3.2. Số lượng DN đáp ứng thông lệ phần A - năm 2022

Đối với khía cạnh này, rất ít DN thực hiện hướng dẫn để cổ đông đóng góp ý kiến trong thời gian trước ngày tham dự đại hội về các vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ. Cụ thể, chỉ ghi nhận 70 DN đạt yêu cầu trong tiêu chí này

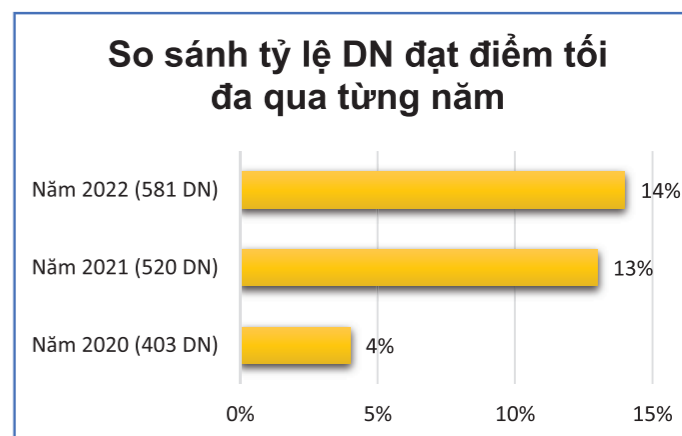


Câu hỏi số 4: Trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến trong thời gian trước ngày tham dự đại hội về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ không? (Tối đa 1 điểm)

(Hình 3.2) tức chỉ 12% DN đáp ứng, 88% còn lại không CBTT về vấn đề này. Việc khuyến khích các cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và nâng cao quyền cơ bản của các cổ đông theo thông lệ tốt là rất quan trọng, vì thế các DN cần có lưu ý trong thư mời dự đại hội, đề cập việc cổ đông có thể đóng góp ý kiến của mình, hoặc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình nghị sự, và gửi câu hỏi trước khi diễn ra ĐHĐCĐ để được HĐQT cũng như BDH giải đáp.

Câu hỏi số 6: Công ty có áp dụng và công bố cụ thể trong biên bản ĐHĐCĐ các công nghệ thông tin hiện đại cho phép cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác? (Tối đa 1 điểm)

Nhìn vào biểu đồ Hình 3.3, có thể thấy qua từng năm, các DN đã có sự cải thiện dần trong việc đáp ứng thông lệ công bố về việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại cho phép cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thật vậy, đối với vấn đề tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến (e-meeting) cùng với việc bỏ phiếu điện tử (e-voting)



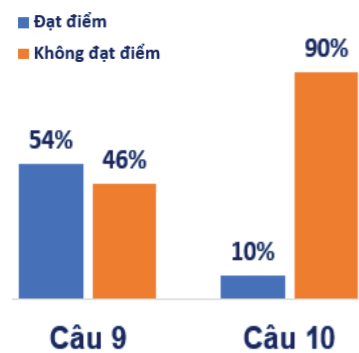
Hình 3.3. Biểu đồ so sánh DN đạt điểm tối đa qua từng năm (câu 6)

được khuyến khích thực hiện theo thông lệ nhưng được đánh giá vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện nhiều hơn so với năm trước (tăng 1% so với năm 2021). Năm 2021, đối mặt với tình hình dịch bệnh phức tạp và tình trạng giãn cách xã hội kéo dài gây khó khăn cho việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp, nên hoạt động e-meeting và e-voting được chú ý thực hiện. Nhưng đến năm nay, đại dịch Covid-19 đã dần được kiểm soát nên các DN vẫn tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp như đã từng thực hiện theo thói quen nhằm hạn chế các rủi ro trong khi biểu quyết, dễ dàng thảo luận, trao đổi thông tin trong cuộc họp, do đó số lượng DN áp dụng thông lệ này chưa tăng nhiều... Chính vì thế, số lượng công ty tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử vẫn còn rất thấp. Mặt khác có DN có thể đã áp dụng công nghệ trong tổ chức e-meeting và e-voting nhưng lại không công bố cụ thể trong biên bản ĐHĐCĐ các thực hành tiến bộ này.

Câu hỏi số 9: Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và chi tiết câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận? (Tối đa 1 điểm)

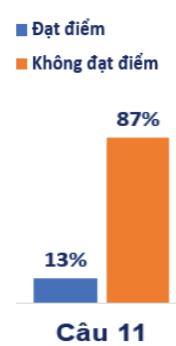
Câu hỏi số 10: Biên bản ĐHĐCĐ công bố danh sách thành viên HĐQT, BKS, TGD tham dự đại hội? (Tối đa 1 điểm)

Để tạo niềm tin cũng như đảm bảo cung cấp thông tin diễn biến tại ĐHĐCĐ, đa số các doanh nghiệp công bố biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và chi tiết câu hỏi cùng câu trả lời. Cụ thể có 314 DN đạt điểm tối đa tương ứng 54%.



Năm 2022, thực tế ghi nhận tỷ lệ DN công bố danh sách thành viên HĐQT, BKS, TGD tham dự ĐHĐCĐ là rất thấp, chỉ có 56 DN (chiếm tỷ lệ 10%) đáp ứng tiêu chí này. Phần lớn trong 56 DN đều là các DN có quy mô vừa và lớn, họ chú trọng việc CBTT danh sách thành viên HĐQT, BKS, TGD tham dự ĐHĐCĐ, còn lại các DN nhỏ đa số không đề cập đến khía cạnh này trong Biên bản ĐHĐCĐ.

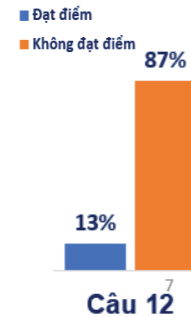
Hiện nay, đa số các DN vẫn chưa thực sự tạo cơ hội tiếp xúc với các cổ đông ngoài các kỳ ĐHĐCĐ thường niên. Phần lớn các DN quy mô lớn thường tổ chức các buổi tọa đàm, sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư kết hợp phân tích cổ phiếu công ty. Theo thống kê có 78 DN đáp ứng được thông lệ này, chiếm tỷ lệ 13%. Vậy nên, để góp phần



Câu hỏi số 11: Công ty có tạo điều kiện cho cổ đông đóng góp ý kiến cho công ty bên ngoài khuôn khổ các kỳ ĐHĐCĐ không (các hội nghị nhà đầu tư, các chương trình gặp gỡ...)? (Tối đa 1 điểm)

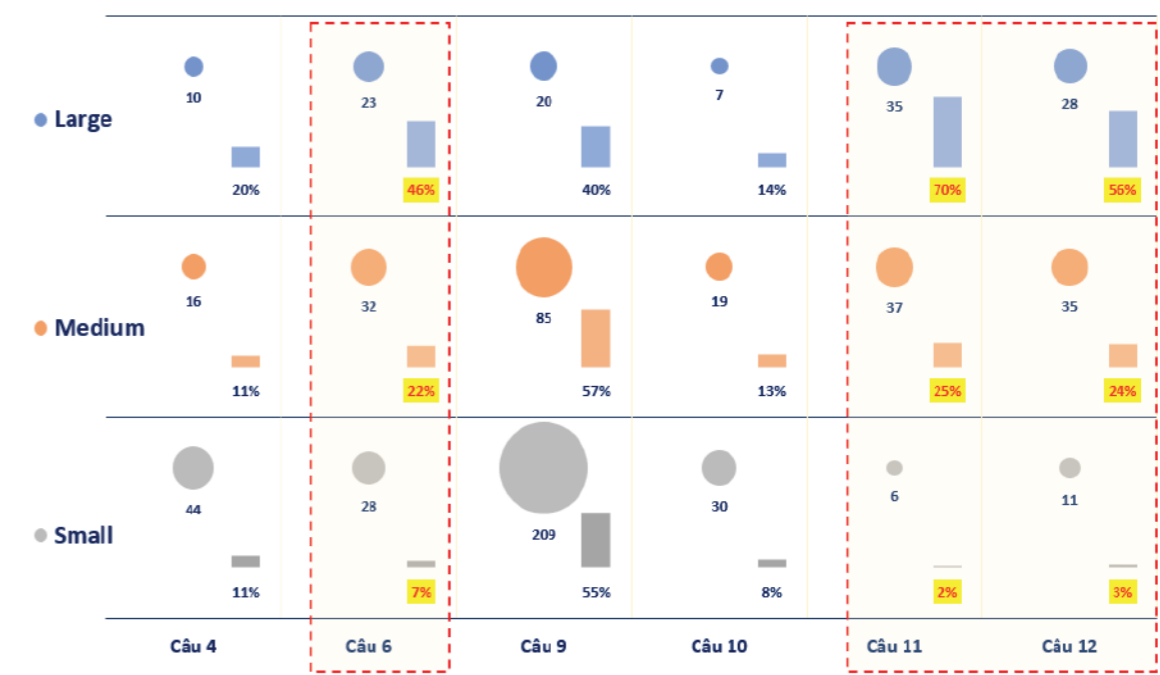
gia tăng sự gắn kết với các nhà đầu tư, doanh nghiệp cần tạo điều kiện cho cổ đông đóng góp ý kiến cho công ty bên ngoài khuôn khổ các kỳ ĐHĐCĐ như tổ chức các hội nghị nhà đầu tư, các chương trình gặp gỡ dưới hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Vấn đề tổ chức các hội nghị nhà đầu tư vẫn còn hạn chế ở các doanh nghiệp nhỏ, chỉ xuất hiện đa số ở các doanh nghiệp lớn.

Câu hỏi số 12: Công ty có thành lập bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) và có công bố chi tiết thông tin liên lạc của cán bộ/ bộ phận phụ trách IR không? (Tối đa 1 điểm)



Đối với Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR), mặc dù chú trọng đến vấn đề thành lập bộ phận IR nhưng các doanh nghiệp vẫn chưa công bố cụ thể thông tin liên lạc của cán bộ hay bộ phận phụ trách, cách thức liên hệ gửi thông tin hoặc thắc mắc dẫn đến tình trạng nhà đầu tư khó tiếp cận, gặp khó khăn trong vấn đề đóng góp ý kiến, phản hồi, báo cáo sai phạm, ... Cụ thể, trong năm qua chỉ có 13% DN công bố chi tiết thông tin liên lạc của cán bộ/ bộ phận phụ trách IR. Bộ phận IR là một bộ phận quan trọng để tạo sự kết nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư, là phương tiện hữu ích để nhà đầu tư có thể liên lạc nhằm giải đáp thắc mắc và tìm hiểu thông tin doanh nghiệp khi cần thiết. Chính vì vậy, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh việc xây dựng bộ phận IR, công bố chi tiết thông tin liên lạc của cán bộ hay bộ phận phụ trách.

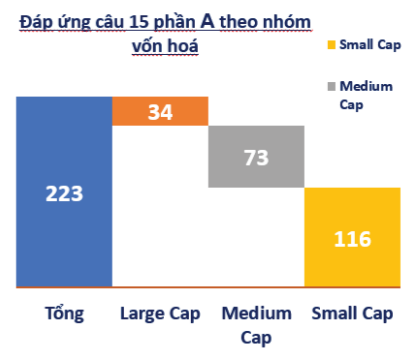
Dưới đây là sơ đồ thống kê tỷ lệ DN đáp ứng thông lệ phần A theo nhóm vốn hóa năm 2022:

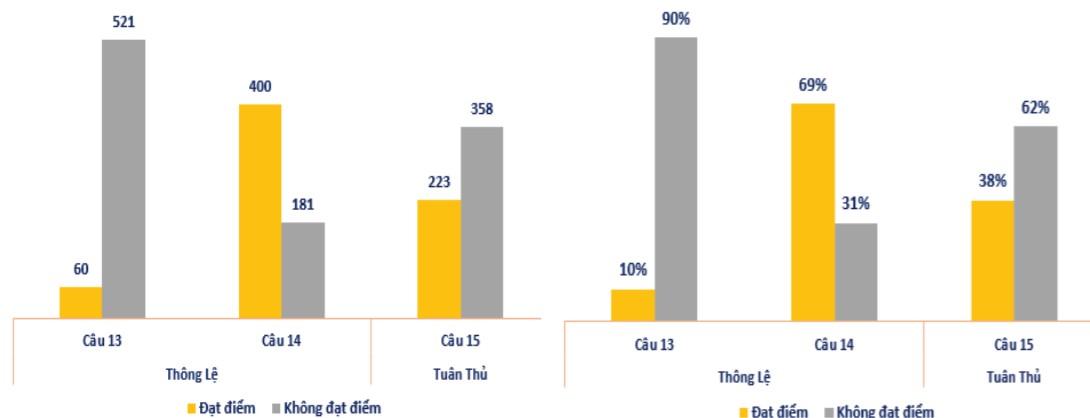


Hình 3.4. Tỷ lệ [%] DN đáp ứng các thông lệ phần A năm 2022 - theo nhóm Vốn hoá

Đối với tiêu chí này, đây là câu hỏi mang tính chất tuân thủ mới được bổ sung trong thẻ điểm VCGS chiếu theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020, khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Vậy nên, vẫn còn một bộ phận DN chưa cập nhật Điều lệ, Quy chế theo quy định được sửa đổi bổ sung tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không nhiều doanh nghiệp có trình bày rõ và đúng với luật Doanh nghiệp về các giao dịch bên liên quan thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ trong Điều lệ. Trên thực tế ghi nhận có 223 DN đáp ứng tiêu chí này, chiếm tỷ lệ 38%, còn lại các DN không đạt điểm tối đa là 358 DN, chiếm 62% (Hình 3.5). Điều này có thể gây ra các vướng mắc về mặt tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hoạt động quản trị công ty.

Câu hỏi số 15: Đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty có qui định cụ thể chi tiết như yêu cầu luật định không? (Tối đa 2 điểm)

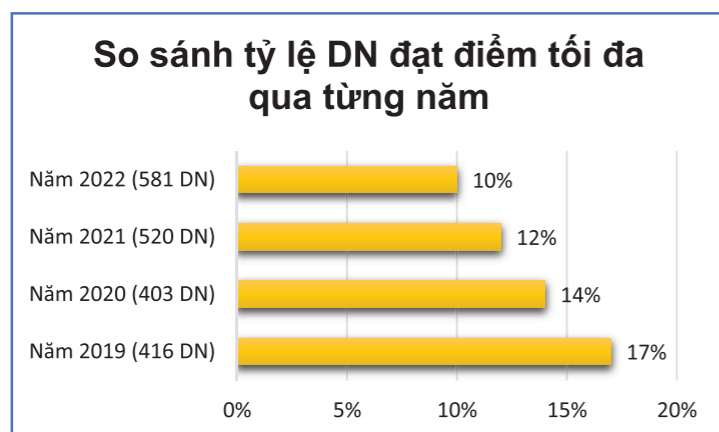




Hình 3.5. Số lượng và tỷ lệ [%] DN đáp ứng phần A (câu 13-15) năm 2022

Câu hỏi số 13: Công ty có công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ không? (Tối đa 1 điểm)

Đối với khía cạnh công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ, từ năm 2019 đến năm 2022 đã có sự sụt giảm đáng kể, từ 17% xuống còn 10% (Hình 3.6). Các tài liệu ĐHĐCĐ bằng Tiếng Anh thường chỉ được đầu tư bởi các DN lớn đồng thời luôn là một thách thức đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì để thực hiện được đòi hỏi cần có thời gian, sự phối hợp giữa các phòng ban, sự truy xuất thông tin và dịch thuật sang Tiếng Anh.



Hình 3.6. Biểu đồ so sánh DN đạt điểm tối đa qua từng năm (câu 13)

Năm 2022, các doanh nghiệp hầu như đã giảm đầu tư cho tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh gồm thư mời họp và các tờ trình/dự thảo nghị quyết, ghi nhận chỉ có 60 DN công bố tài liệu họp bằng Tiếng Anh, chiếm 10%. Điều này thể hiện sự hạn chế trong việc tạo điều kiện tiếp cận và bảo vệ quyền lợi cho cổ đông nước ngoài. Đây cũng chính là một điểm yếu lớn cần được khắc

phục của DN Việt Nam trong việc đảm bảo nguyên tắc công bằng thông tin đối với nhóm cổ đông nước ngoài.

Phần B - Vai trò các bên hữu quan

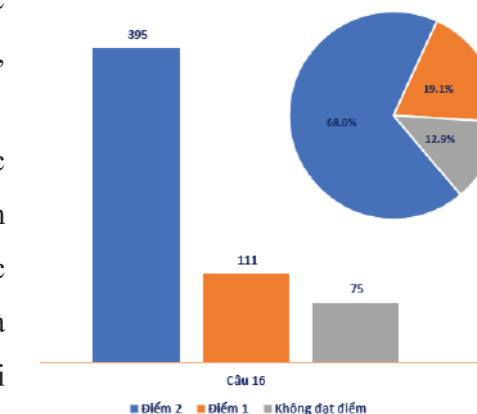
Các bên hữu quan bao gồm khách hàng, người lao động, nhà cung cấp, công chúng,... Các DN cần phải ghi nhận sự đóng góp của các bên hữu quan vì đây là một trong những nguồn lực quý giá giúp DN có thể xây dựng khả năng cạnh tranh và sự thành công lâu dài của DN. Đối với khía cạnh ghi nhận sự tôn trọng và đảm bảo quyền cũng như vai trò các bên hữu quan, qua quá trình đánh giá cho thấy không có sự cải thiện điểm nhất định so với các năm trước.

Về câu hỏi mang tính chất tuân thủ

Vấn đề phát triển bền vững luôn được chú trọng quan tâm và đó cũng là một trong những thử thách của hầu hết các doanh nghiệp ngày nay. Việc đẩy mạnh xây dựng mục tiêu phát triển bền vững được phản ánh thông qua việc CBTT đầy đủ các chính sách và thực hành liên quan đến những yếu tố như người lao động, nhà đầu tư, môi trường, xã hội, ...

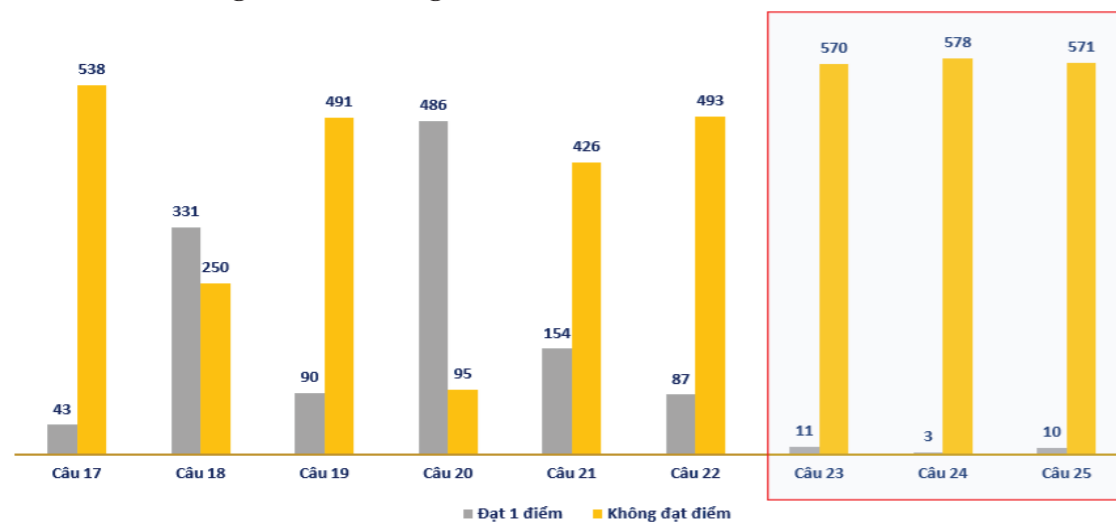
Xét tổng thể, các DN có sự phát huy tốt trong việc nâng cao thực hiện công bố báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội thông qua việc cung cấp thông tin đầy đủ, chi tiết các chính sách và hoạt động thực tiễn liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội mà công ty thực hiện trong năm đánh giá như cách thức quản lý nguồn nguyên liệu, mức tiêu thụ điện năng, tiêu thụ nước, tham gia các chương trình thiện nguyện, các hoạt động hỗ trợ địa phương, tổ chức chương trình trao tặng học bổng, ... Cụ thể, trong năm 2022 có 395 DN đáp ứng ở mức độ tuân thủ và đạt điểm tối đa, chiếm 68%; 111 DN có công bố báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội nhưng được nhận xét là không đầy đủ và chi tiết, chiếm 19,1%; chỉ có 75 DN không đáp ứng tiêu chí này, chiếm 12,9% (Hình 3.7). Từ đó, có thể thấy rằng các DN đã và đang nỗ lực phát huy khía cạnh liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Câu hỏi số 16: Công ty có công bố báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội không? (Tối đa 2 điểm)



Hình 3.7. Số lượng và tỷ lệ [%] DN đáp ứng tuân thủ phần B năm 2022

Về câu hỏi mang tính chất thông lệ



Hình 3.8. Số lượng DN đáp ứng thông lệ phần B năm 2022

Thực tế ghi nhận đối với khía cạnh bảo đảm vai trò của các bên hữu quan, số lượng DN đáp ứng các tiêu chí mang tính chất thông lệ không nhiều, không có sự tăng điểm nhiều hơn so với các năm trước.

Câu hỏi số 17: Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, sản xuất và cung ứng dịch vụ? (Tối đa 1 điểm)

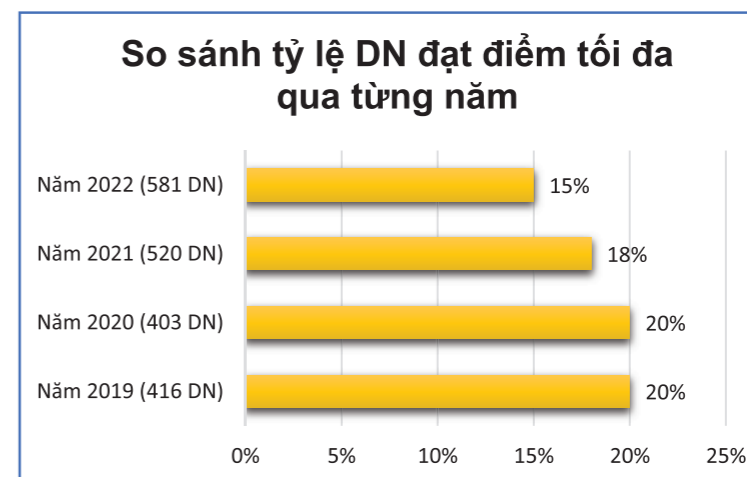
Câu hỏi số 18: Công ty có công bố chính sách và các thực hành mô tả nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ? (Tối đa 1 điểm)

Như đã đề cập, mặc dù các DN đang thực hiện tốt trong việc công bố báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội nhưng đối với vấn đề công bố các chính sách mô tả nỗ lực của công ty đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường lại còn khá mới mẻ, nên số lượng doanh nghiệp đáp ứng còn hạn chế. Trong khi các DN phát huy khá tốt việc công bố chính sách đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm (331 DN đáp ứng) thì chỉ có một lượng ít DN công bố chính sách đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, sản xuất và cung ứng dịch vụ (43 DN đáp ứng). Việc công bố chính sách và các tiêu chuẩn, cụ thể là nêu rõ các tiêu chí xét duyệt chọn lựa nhà cung cấp (trong đó cân nhắc các yếu tố kinh tế và phi kinh tế, như môi trường, xã hội hoặc nhân quyền) được nhận xét là khá mới mẻ đối với các DN hiện nay. Tuy nhiên đây lại là yếu tố

đầu vào quan trọng nhằm đảm bảo chuỗi cung ứng sản phẩm/ dịch vụ đầy mạnh yếu tố thân thiện với môi trường. Chính vì thế, các DN cần chú trọng và đưa ra các chính sách và thực hành phù hợp nhằm khắc phục vấn đề này.

Về khía cạnh công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng, chỉ có 90 DN đáp ứng thực hiện chiếm khoảng 15% và có dấu hiệu giảm dần từ năm 2019 – 2022 (Hình 3.9). Vậy nên vấn đề về vai trò của các bên có quyền lợi liên quan như trên cần được cải thiện nhằm mục đích nâng cao lợi thế cạnh tranh của DN, tạo niềm tin đối với khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ. Để cải thiện khía cạnh bảo vệ quyền lợi khách hàng, doanh nghiệp cần xây dựng các chính sách hậu mãi tốt, chính sách bồi thường thiệt hại, quy định cam kết đảm bảo sự an toàn và có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng, tổ chức các hội nghị nhằm thông tin đến khách hàng về sản phẩm, chính sách của công ty, ...

Câu hỏi số 19: Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng? (Tối đa 1 điểm)



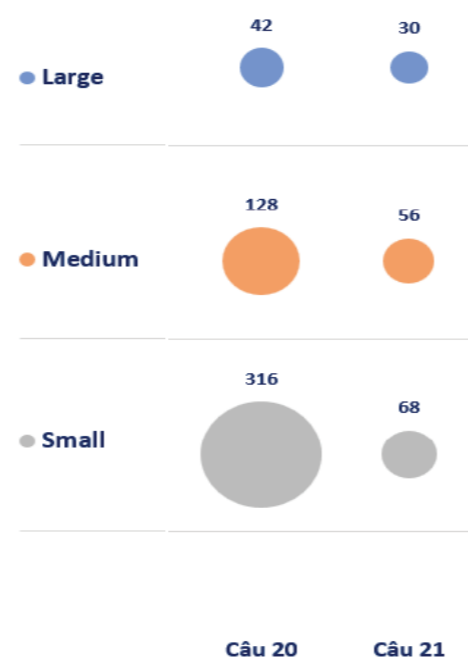
Hình 3.9. Biểu đồ so sánh DN đạt điểm tối đa qua từng năm (câu 19)

Câu hỏi số 20: Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên? (Tối đa 1 điểm)

Câu hỏi số 21: Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên và có nêu rõ kết quả đào tạo (ví dụ số giờ trung bình dành cho đào tạo)? (Tối đa 1 điểm)

Phần lớn các doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn đều công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho nhân viên như lương thưởng, BHXH, BHYT, BHTN, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên. Theo thống kê có 486 DN, chiếm 84% tổng số DN đã

đáp ứng tốt thông lệ này. Ngoài ra, người lao động của các doanh nghiệp cũng được trang bị nhiều kỹ năng và kiến thức thông qua các khóa đào tạo tại doanh nghiệp như đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân viên, ... Các công ty còn xây dựng nhiều chính sách nhằm tạo sự gắn kết nhân viên cũng như giữ chân nhân tài như tổ chức các hoạt động giải trí trong kỳ nghỉ lễ, thưởng cho nhân viên vào các ngày lễ tết, tổ chức tham quan nghỉ mát hằng năm, ... Tuy nhiên, số lượng DN có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên đồng thời nêu cụ thể kết quả đào tạo (chương trình đào tạo, số buổi, số giờ đào tạo) lại chiếm một tỷ trọng thấp – 26,5% (154 DN). Thực tế cho thấy, con người là một yếu tố quan trọng quyết định nguồn lực của DN nên các DN cần phải chú trọng xây dựng và công bố rõ ràng các chính sách dành cho người lao động, từ đó có thể xây dựng nên giá trị riêng của mỗi DN.

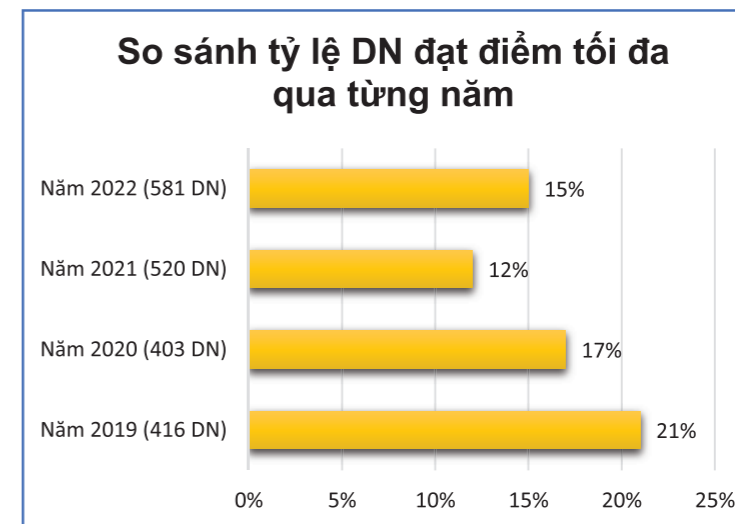


Hình 3.10. Số lượng DN đáp ứng thông lệ phần B theo nhóm vốn hóa (câu 20, 21) năm 2022

Câu hỏi số 22: Công ty có chính sách khen thưởng nhân viên gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn không (hiệu quả tài chính và/ hoặc phi tài chính)? (Tối đa 1 điểm)

Đại dịch Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020 và bùng nổ trên toàn thế giới, việc trải qua 4 đợt bùng phát dịch bệnh đã đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung kéo theo nhiều hệ

lụy về suy thoái kinh tế. Đến năm 2022, các DN vẫn chưa hồi phục một cách toàn diện, kết quả đánh giá cho thấy các DN vẫn còn rất hạn chế trong việc thực hiện và công bố chương trình phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên (ESOP), cụ thể có 87 DN thực hiện – chiếm khoảng 15% (Hình 3.11).



Hình 3.11. Biểu đồ so sánh DN đạt điểm tối đa qua từng năm (câu 22)

Theo thống kê như hình 3.11, mặc dù tỷ lệ DN đáp ứng tiêu chí này tăng 5% so với năm 2021 nhưng lại giảm 2% so với năm 2020. Từ đó, có thể thấy tỷ lệ DN đáp ứng việc công bố chính sách khen thưởng nhân viên gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn trong ngắn hạn là không ổn định qua từng năm. Vậy nên, các DN cần đẩy mạnh các chính sách khen thưởng nhân viên gắn với hiệu quả hoạt động của công ty, không chỉ gắn với mục tiêu tài chính ngắn hạn mà còn phát huy các chương trình gắn với mục tiêu dài hạn cho công ty hướng đến chỉ tiêu phi tài chính như dự án thẻ điểm cân bằng của công ty (Balanced Scorecard), các chương trình chuẩn mực về phát triển bền vững...

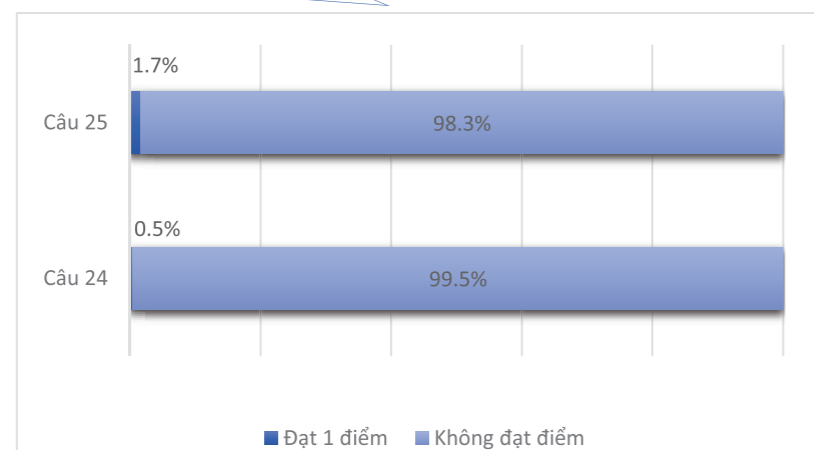
Câu hỏi số 23: Công ty có ban hành Bộ quy tắc đạo đức/ quy tắc ứng xử yêu cầu tất cả lãnh đạo và nhân viên công ty phải tuân thủ và nêu rõ nếu vi phạm sẽ có hình thức xử lý? (Tối đa 1 điểm)

Trong năm 2022, thực tế ghi nhận một tỷ lệ rất thấp các DN có công bố trên website công ty bộ quy tắc ứng xử. Hoặc một số DN lớn có công bố bộ quy tắc ứng xử nhưng lại

thiếu việc yêu cầu tất cả các cấp bao gồm lãnh đạo và nhân viên công ty phải tuân thủ và nêu rõ nếu vi phạm sẽ có hình thức xử lý. Theo thống kê chỉ có 11 DN tương đương 1,9% đáp ứng tiêu chí công bố bộ quy tắc ứng xử. Do đó, các DN nên xem xét cải thiện bổ sung vấn đề này vì việc công bố bộ quy tắc ứng xử yêu cầu các đối tượng gồm lãnh đạo và nhân viên tuân thủ là một công cụ hữu hiệu trong quá trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Câu hỏi số 24: Công ty có xây dựng và công bố chính sách báo cáo sai phạm cho phép tất cả các bên liên quan có thể thực hiện báo cáo sai phạm không? (Tối đa 1 điểm)

Câu hỏi số 25: Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/ hoặc khiếu kiện, báo cáo những sai phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ? (Tối đa 1 điểm)



Hình 3.12. Tỷ lệ [%] DN đáp ứng các tiêu chí (câu 24 và 25)

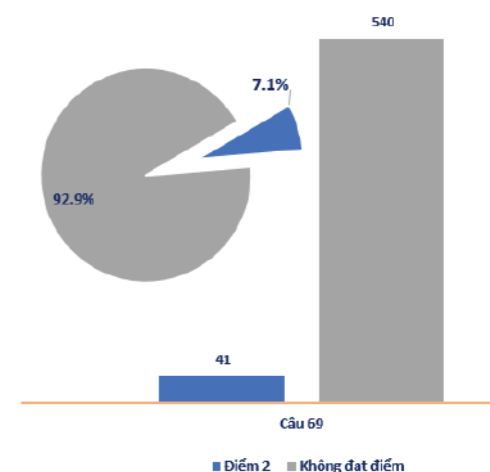
Trên thực tế, rất hiếm DN công bố rõ ràng chính sách báo cáo sai phạm như thông tin liên hệ và quy trình thực hiện báo cáo sai phạm để nhân viên và các bên liên quan khác thực hiện báo cáo sai phạm khi nhận thấy quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm hay quy trình tiếp nhận và xử lý các báo cáo sai phạm đó. Có thể nói các DN Việt Nam vẫn còn khá mới mẻ trong vấn đề này khi thực tế chỉ có 0,5% DN đáp ứng (tương đương với 3 DN) (Hình 3.12). Chính sách báo cáo sai phạm phải được xây dựng rõ ràng, kênh xử lý vi phạm cần được mô tả chi tiết, đồng thời đảm bảo được sự bảo mật thông tin nhất định đối với danh tính người báo cáo sai phạm. Các DN cần nhận thức rằng việc xây dựng các cơ chế báo cáo sai phạm một cách hiệu quả là công cụ giúp các chính sách QTCT cũng được phát huy một cách tốt nhất.

Để khắc phục và cải thiện những tiêu chí nêu trên, DN cần công bố rõ ràng thông tin liên hệ của công ty trên Website hoặc báo cáo thường niên với mục đích giúp các bên hữu quan như khách hàng, nhà cung cấp, công chúng có thể liên hệ với công ty bất kỳ lúc nào nếu muốn trình bày các ý kiến, thắc mắc cần giải đáp hoặc phản ánh về các vấn đề vi phạm. Hiện nay, chỉ có 1,7% DN thực hiện và đáp ứng việc công bố kênh liên hệ để báo cáo sai phạm. Đa số các DN chỉ công bố thông tin liên hệ chung của công ty vì mục đích giao dịch kinh doanh nhưng lại thiếu vắng số điện thoại, email cụ thể, dành riêng cho mục đích báo cáo sai phạm.

Về câu hỏi điểm cộng thêm tuân thủ phần B

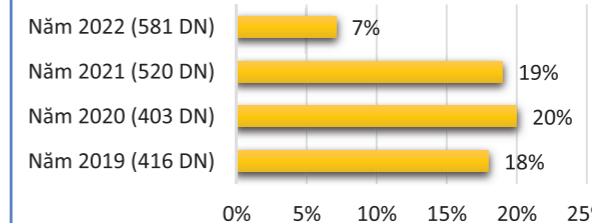
Câu hỏi số 69 (B): Công ty có lập và công bố báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)? (Tối đa 2 điểm)

Câu hỏi đặt ra về vấn đề phát triển bền vững là phải làm như thế nào để ít gây ảnh hưởng đến thế hệ mai sau nhất. Một trong những mục tiêu của phát triển bền vững là cam kết thực hiện các chiến lược hành động bảo vệ trái đất, hướng đến hạn chế việc ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên hiện nay, chất lượng CBTT về ESG mặt bằng chung là chưa có sự cải thiện, rất hiếm doanh nghiệp có công bố Báo cáo PTBV riêng và hầu hết các doanh nghiệp vẫn chưa xây dựng cho mình Báo cáo PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, Báo cáo tích hợp, SASB. Theo thống kê, đối với câu hỏi điểm thường này (Câu hỏi số 69B) chỉ có 7,1% DN đáp ứng xây dựng Báo cáo PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế. Thông qua Biểu đồ hình 3.15, tỷ lệ doanh nghiệp đạt điểm thường tại tiêu chí này có sự dao động không ổn định từ năm 2019 – 2022. Mặc dù thực hiện khá tốt trong các năm trước nhưng đến năm 2022, số điểm lại không có dấu hiệu tăng. Hiện nay, các DN trên thế giới ngày càng nhận thức được vai trò của mình trong việc thực hiện và xây dựng các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, phân phối sản phẩm, dịch vụ trên thực tiễn hướng đến cam kết phát triển bền vững và các DN tại Việt Nam cũng cần cải thiện vấn đề này bằng cách đưa ra các chính sách phù hợp khi xây dựng Báo cáo PTBV.



Hình 3.13. Số lượng và Tỷ lệ [%] DN đáp ứng điểm cộng tuân thủ phần B năm 2022 (câu 69)

So sánh tỷ lệ DN đạt điểm tối đa qua từng năm

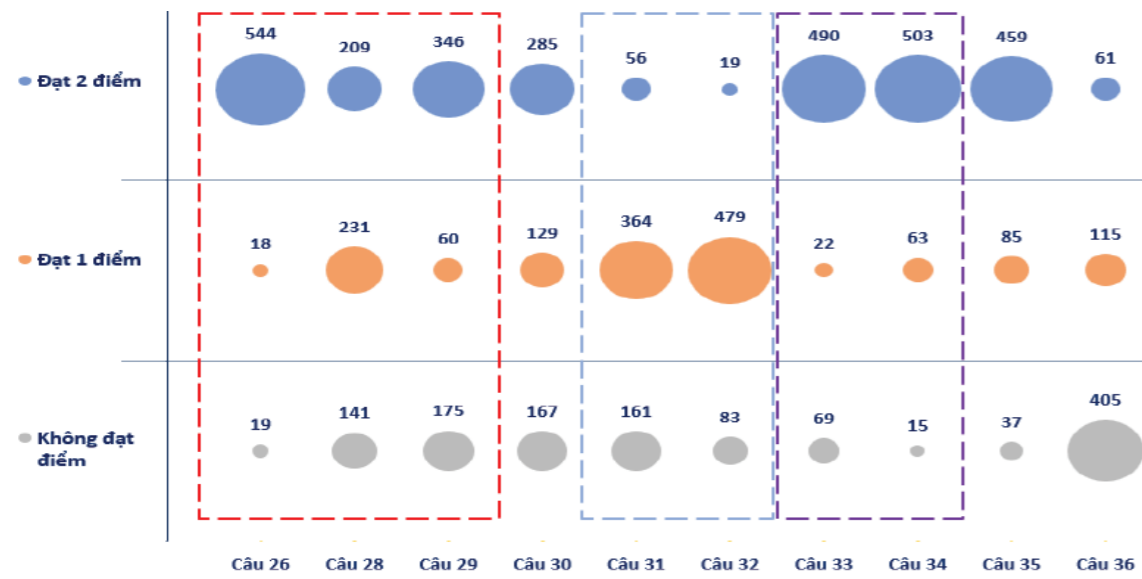


Hình 3.14. Biểu đồ so sánh DN đạt điểm tối đa qua từng năm (câu 69)

Phần C – Công bố và minh bạch thông tin

Hệ thống công bố thông tin được phát huy tốt nhằm nâng cao tính minh bạch chính là một đặc điểm mang tính chất then chốt giúp xây dựng khả năng giám sát DN dựa vào thị trường, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các cổ đông thực hiện quyền của mình với một sự am hiểu nhất định. Nhìn chung, trong năm 2022, các doanh nghiệp đều thúc đẩy việc thực hiện tốt hoạt động CBTT đáp ứng mức độ tuân thủ theo các quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một bộ phận DN chưa thực sự tuân thủ theo Luật định gây ảnh hưởng đến khía cạnh minh bạch thông tin.

Về câu hỏi mang tính chất tuân thủ



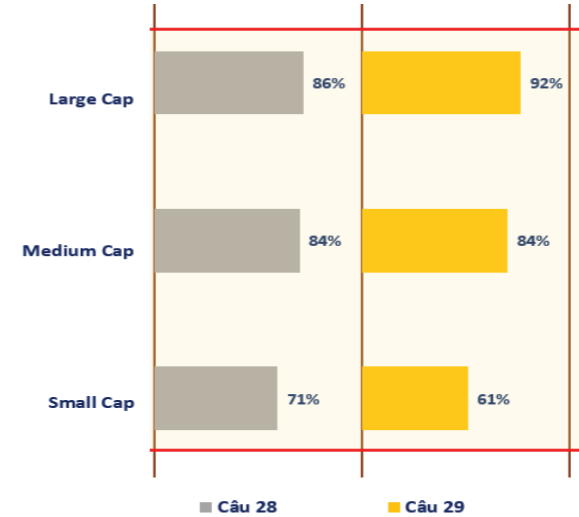
Hình 3.15. Số lượng DN đáp ứng tuân thủ phần C - năm 2022

Quá trình đánh giá cho thấy rằng các công ty hiện nay đều cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong HĐQT, BKS và BDH một cách rõ ràng. Bằng chứng có đến 544 DN đạt điểm tối đa tại tiêu chí này tương ứng với 93,6% DN công bố thông tin đầy đủ và 18 DN (3%) có cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ (Hình 3.15). Tóm lại, ở khía cạnh này các DN đã tuân thủ tốt quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Câu hỏi số 26: Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành/ Tổng giám đốc không? (Tối đa 2 điểm)

Câu hỏi số 28: Báo cáo thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty không (phân theo 4 tiêu chí: theo tỷ lệ sở hữu; cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác)? (Tối đa 2 điểm)

Đối với tiêu chí tại câu hỏi số 28, đa số các công ty chỉ công bố được 3/4 tiêu chí trong tổng số 4 tiêu chí theo tỷ lệ sở hữu; cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác. Đây được xem là một trong những khía cạnh ghi nhận giảm chất lượng về mặt CBTT khi có 209 DN đạt điểm tối đa (CBTT đầy đủ cả 4 tiêu chí) – chiếm 36% và 231 DN CBTT thiếu 1 trong 4 nhóm cổ đông – chiếm 40%. Còn lại 141 DN đã không tuân thủ khi CBTT không đầy đủ, thiếu từ 2 nhóm cổ đông trở lên. Đây là một tiêu chí mang tính chất tuân thủ chiếu theo Thông tư 96, kiến nghị các DN dù ở bất cứ quy mô lớn hay nhỏ đều cần phải đưa ra các phương án phù hợp trong việc cải thiện CBTT về vấn đề này.



Hình 3.16. Tỷ lệ [%] nhóm vốn hoá đáp ứng câu 28 và câu 29

Trong năm nay, hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện công bố rõ ràng về tính độc lập/ danh tính của từng thành viên HĐQT độc lập, đồng thời rất ít trường hợp có bằng chứng cho thấy việc xác định thành viên HĐQT độc lập mâu thuẫn với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Cụ thể, theo thống kê có 346 DN tương ứng 59,5% đáp ứng việc công bố tính độc lập của thành viên HĐQT. Xét theo nhóm vốn hóa (Hình 3.16), đa số các DN ở nhóm Large Cap đều chú trọng công bố danh tính thành viên độc lập, đáp ứng tuân thủ tốt (92%). Tuy nhiên ở hai nhóm còn lại vẫn có những hạn chế nhất định khi chưa đáp ứng khía cạnh thông tin minh bạch này.

Câu hỏi số 29: Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị không? (Tối đa 2 điểm)

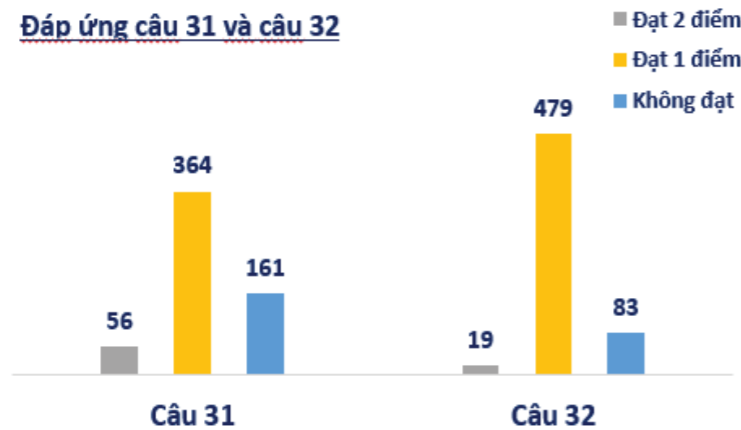
Câu hỏi số 30: Báo cáo thường niên có tuyên bố khẳng định công ty tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty; và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ thì có công bố và giải thích rõ lý do cho mỗi vấn đề đó không? (Tối đa 2 điểm)

Pháp luật chính là nền tảng giúp hoạt động quản trị doanh nghiệp phát triển trong một khuôn khổ nhất định. Nhìn chung các doanh nghiệp hiện nay đã đáp ứng ở mức độ tuân thủ các Nguyên tắc QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng, tuân thủ Luật doanh

ng nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành. Thực tế ghi nhận 285 DN có tuyên bố khẳng định tuân thủ đầy đủ các quy định về QTCT (chiếm 49%) (Hình 3.15). Phần lớn các doanh nghiệp vẫn đang trên đà phát triển hướng đến việc xây dựng và định hướng thực hiện theo Bộ quy tắc QTCT Việt Nam theo thông lệ tốt nhất. Bộ quy tắc đưa ra các thông lệ QTCT tốt nhất theo OECD bao gồm các tiêu chuẩn cao hơn yêu cầu tối thiểu theo quy định pháp luật, khuyến khích các doanh nghiệp hướng tới các thông lệ quốc tế tốt nhất. Thực tế trong những năm qua, việc xây dựng hành lang pháp lý tại Việt Nam đặc biệt là pháp luật doanh nghiệp đang ngày càng hoàn thiện hơn, đây chính là bản lề cho việc hình thành các cơ chế quan trọng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

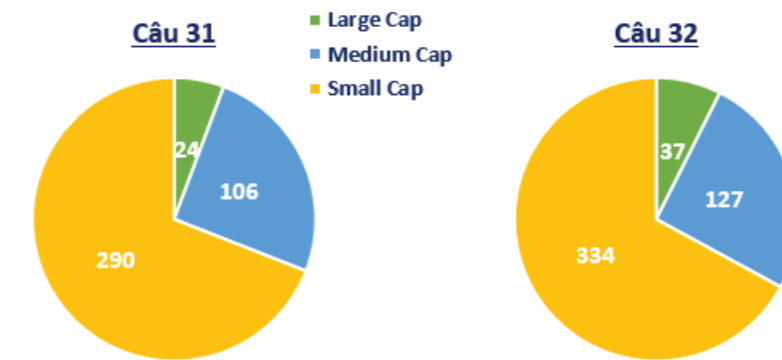
Câu hỏi số 31: Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và Ban kiểm soát (nếu có) không? (Tối đa 2 điểm)

Câu hỏi số 32: Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên quản lý điều hành khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng, nêu chi tiết tiền lương, thù lao cho từng người, trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không? (Tối đa 2 điểm)



Hình 3.17. Số lượng DN đáp ứng câu 31 và câu 32

Đáp ứng câu 31 và câu 32 theo nhóm vốn hoá



Hình 3.18. Số lượng DN đáp ứng câu 31 và câu 32 theo nhóm vốn hóa

Năm 2022, mặc dù có ghi nhận sự cải thiện về số lượng DN đáp ứng tuân thủ tiêu chí này, nhưng đa số các DN vẫn chưa đạt nội dung yêu cầu trong việc đảm bảo rằng Báo cáo thường niên có CBTT chi tiết về thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và BKS/UBKT. Cụ thể, các DN nêu tổng thù lao cho từng thành viên nhưng thiếu chủ yếu các khoản chi tiết thù lao, khoản lợi ích và các chi phí khác mà từng thành viên nhận được hoặc số tổng cụ thể của cả ban. Theo đó, chỉ ghi nhận 56 DN đạt yêu cầu, 364 DN CBTT không đầy đủ và 161 DN không CBTT về khía cạnh này. Xét theo nhóm vốn hóa, có thể nhận xét rằng các DN nhóm Small Cap đã có sự phát huy đáng kể trong năm nay khi đáp ứng mức độ tuân thủ tiêu chí này đến khoảng 76%.

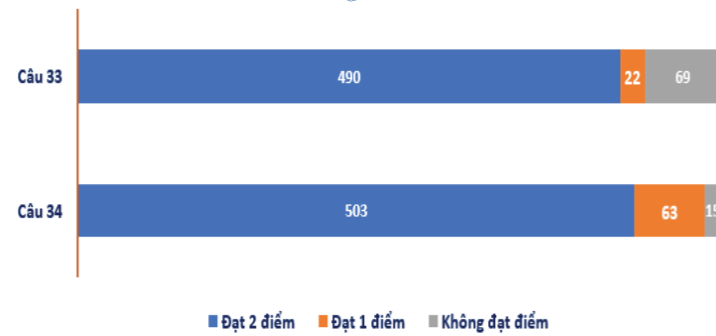
Vấn đề công bố thu nhập của TGD, ban TGD, kế toán trưởng vẫn là một điểm hạn chế khi có số ít DN chưa đạt điểm tối đa ở tiêu chí này. Qua quá trình đánh giá, đa số các DN không thể hiện thành mục riêng trong BCTC để công bố chi tiết tiền lương của từng người quản lý điều hành đồng thời có thông qua tại ĐHĐCĐ. Chủ yếu các DN chỉ CBTT về tiền lương của TGD hoặc CBTT về tiền lương của Ban Tổng giám đốc nên số lượng các DN đạt 1 điểm chiếm tỷ trọng lớn – 82,4% (479 DN). Hoặc đối với các DN CBTT khá hơn sẽ chú trọng công bố cả tiền lương của TGD và Kế toán trưởng, nhưng họ chỉ dừng lại ở đó và không đồng thời báo cáo tại ĐHĐCĐ, các DN cũng chỉ đạt 1 điểm trong trường hợp này. Theo thống kê chỉ có 19 DN đáp ứng yêu cầu, vậy nên, để cải thiện điểm ở khía cạnh này, các DN cần đưa ra phương án CBTT cụ thể về tiền lương của TGD, ban TGD, Kế toán trưởng và đặc biệt là phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ.

Câu hỏi số 33: Công ty có công bố thông tin báo cáo thường niên đúng thời hạn theo quy định? (Tối đa 2 điểm)

Câu hỏi số 34: Công ty có công bố thông tin báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn không? (Tối đa 2 điểm)

Câu hỏi số 35: Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Điều lệ công ty & Quy chế QTCT? (Tối đa 2 điểm)

Công bố đúng hạn các tài liệu quan trọng là một trong các khía cạnh CBTT có sự cải thiện đáng kể trong năm 2022. Đa số các DN đều công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình QTCT 6 tháng và năm đúng hạn theo quy định



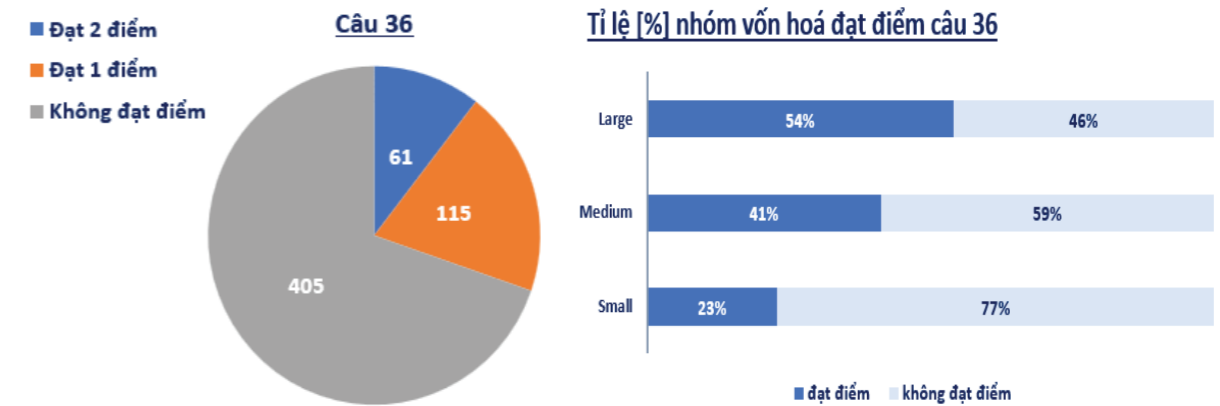
của pháp luật. Đặc biệt, trong thời gian này, các doanh nghiệp đều chú trọng việc cập nhật đầy đủ Điều lệ và quy chế QTCT sao cho phù hợp với các quy định hiện hành. Bên cạnh đó, vẫn có ghi nhận một bộ phận nhỏ DN không đáp ứng tuân thủ CBTT các Báo cáo hằng năm đúng hạn. Theo thống kê, có 490 DN CBTT báo cáo thường niên đúng hạn theo quy định – chiếm 84,3%; 503 DN CBTT Báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn – chiếm 86,6% ; 459 DN CBTT có cập nhật Điều lệ và Quy chế QTCT – chiếm 79%.

Theo kết quả đánh giá cho thấy, hiện nay phần lớn các doanh nghiệp nhỏ không CBTT chi tiết tiểu sử của thành viên HĐQT tối thiểu các thông tin tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết, chỉ đa số các DN vừa và lớn mới đầu tư về nội dung này và CBTT rõ ràng trong

Câu hỏi số 36: Chi tiết tiểu sử của thành viên HĐQT (tối thiểu có các thông tin tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) có được công bố đầy đủ? (Tối đa 2 điểm)

Báo cáo thường niên (Hình 3.19). Ghi nhận 10,5% DN có CBTT tiểu sử thành viên HĐQT theo thông lệ tốt tức ngoài các thông tin cơ bản, DN có nêu các thông tin khác như ngày đầu bổ nhiệm, vị trí đang tại nhiệm tại các công ty đại chúng khác, ... Như vậy, các doanh nghiệp ở bất kỳ quy

mô nào cũng nên nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của việc CBTT vì khi hệ thống CBTT được nâng cao tính minh bạch là một công cụ hiệu quả tác động đến hoạt động QTCT và góp phần bảo vệ nhà đầu tư.

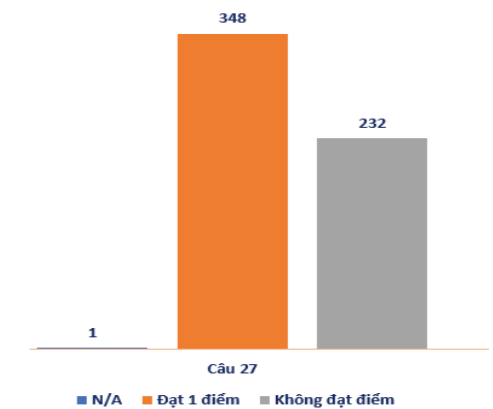


Hình 3.19. Số lượng DN đáp ứng tuân thủ câu 36 và tỷ lệ [%] theo nhóm vốn hóa đạt điểm câu 36

Về câu hỏi mang tính chất thông lệ

Đối với tiêu chí đánh giá mang tính chất thông lệ về vấn đề công bố danh tính và tỷ lệ sở hữu trực tiếp của cổ đông lớn tại các DN có sự cải thiện nhưng vẫn chưa được đáp ứng một cách tốt nhất. Cụ thể, có 348 DN đáp ứng thông lệ tương ứng 60%, 40% còn lại không đáp ứng tiêu chí này. Một trong những lý do dẫn đến số lượng thấp DN không đạt điểm ở tiêu chí này chính là các DN chỉ CBTT tỷ lệ sở hữu toàn bộ cổ đông lớn, nhưng không đề cập đến danh tính cụ thể của từng cổ đông lớn. Như vậy, đối với những tiêu chí có liên quan đến tính minh bạch về sở hữu cổ phần của cổ đông, các DN cần đảm bảo cam kết CBTT minh bạch, triệt để, hiệu quả.

Câu hỏi số 27: Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn không? (Tối đa 1 điểm)



Hình 3.20. Số lượng DN đáp ứng thông lệ phần C năm 2022